

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM SÔNG HỒNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2600213532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Phú Thọ cấp lần đầu ngày 07/10/2004, thay đổi lần thứ 09 ngày 01/12/2016)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 505/QĐ-SGDCKHN do HNX cấp ngày 6 tháng 7 năm 2017)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM SÔNG HỒNG

Địa chỉ trụ sở chính: Phố Hồng Hà, phường Bến Giót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Website: www.shalumi.com.vn

Điện thoại: 02103862644

Fax: 02103862708

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 02 Phạm Ngũ Lão – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 3933 4666

Fax: 04 3933 4668

Website: www.apsc.vn

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Nguyễn Minh Kế

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Số điện thoại: 0210 3862717

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM SÔNG HỒNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2600213532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 07/10/2004, thay đổi lần thứ 09 ngày 01/12/2016)

Địa chỉ trụ sở chính: Phố Hồng Hà, phường Bến Giót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210.3862644

Fax: 0210.3862708

Website: shalumi.com.vn

Email: info@shalumi.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	20.693.437 cổ phiếu (Hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm ba mươi bảy cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết:	206.934.370.000 đồng (Hai trăm linh sáu tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)
(tính theo mệnh giá)	

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2 Phạm Ngũ Lão – Phan Chu Trinh -
Hoàn Kiếm – Hà Nội

ĐT: (84 4) 3 933 4666 - Fax: (84 4) 3 933 4668

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây – Tòa Nhà Hancorp Plaza –
Số 72 Trần Đăng Ninh – Cầu Giấy – Hà Nội

ĐT: 04 37425 888 – Fax: 04 37578 666

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro nền kinh tế.....	6
2. Rủi ro luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	9
4. Các rủi ro khác.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ...	11
1. Tổ chức đăng ký niêm yết.....	11
2. Tổ chức tư vấn.....	11
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	12
1.1. Giới thiệu chung về công ty.....	12
1.2. Quá trình hình thành và phát triển:.....	14
1.3. Tóm tắt quá trình tăng vốn:.....	17
2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	23
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; cơ cấu cổ đông	29
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 22/05/2017.....	29
3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ.....	29
3.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 22/05/2017.....	30
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:.....	30
5. Hoạt động kinh doanh.....	31
5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính:.....	31
5.2. Doanh thu và lợi nhuận theo từng nhóm sản phẩm dịch vụ qua các năm	38

5.3. Nguyên vật liệu:.....	39
5.4. Chi phí sản xuất:	41
5.5. Trình độ công nghệ.....	42
5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	49
5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ.....	50
5.8. Hoạt động Marketing.....	51
5.9. Nhãn hiệu thương mại:	52
5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:.....	53
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	55
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015, 2016 và Quý I/2017:.....	55
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016... 56	
7. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành:.....	58
7.1. Vị thế của Công ty trong ngành:	58
7.2. Triển vọng phát triển của ngành:	58
7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:	59
8. Chính sách đối với người lao động:	60
8.1. Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty:	60
8.2. Chính sách đối với người lao động.....	61
8.3. Chính sách trả cổ tức:.....	63
9. Tình hình hoạt động tài chính:.....	63
10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	73
11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	74
11.1. Danh sách:	74
11.2. Sơ yếu lý lịch HĐQT, BGD, BKS, Kế toán trưởng:.....	75
12. Tài sản:.....	91

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2017 - 2018.....	93
14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận cổ tức.....	95
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:.....	96
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:.....	96
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	96
1. Loại chứng khoán:	96
2. Mệnh giá:.....	96
3. Mã chứng khoán:	96
4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 20.693.437 (hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm ba mươi bảy cổ phiếu)	96
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết:	96
6. Phương pháp tính giá	98
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	99
8. Các loại thuế có liên quan:	100
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	101
1. Tổ chức tư vấn niêm yết:.....	101
2. Tổ chức kiểm toán:	101
VII. PHỤ LỤC	101
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	101
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty;.....	101
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;	101
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và Báo cáo tài chính Quý I/2017.....	101

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro nền kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng cũng như các Doanh nghiệp khác là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của các nhân tố cơ bản đó. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển, ngược lại khi nền kinh tế suy thoái, lãi suất, lạm phát tăng cao, v.v... là lực cản không nhỏ tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp.

➤ *Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

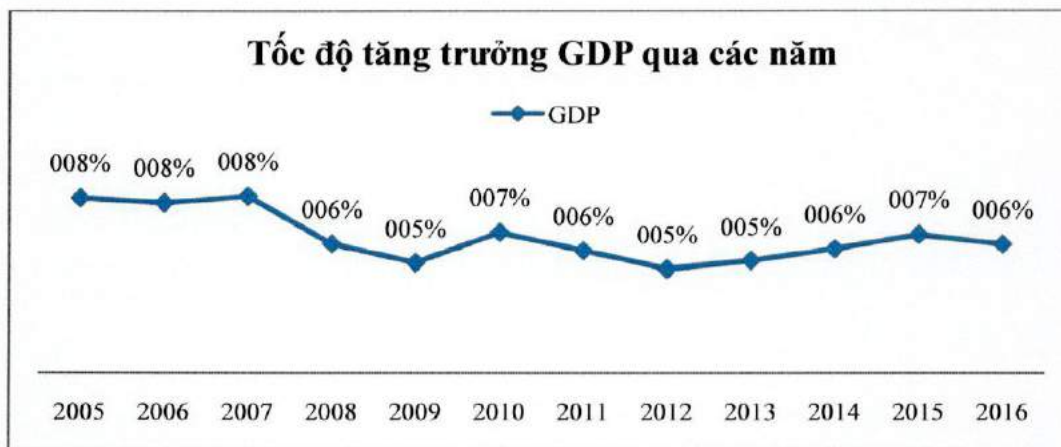
Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến cung cầu của các doanh nghiệp, nếu tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân cao sẽ góp phần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong đó có Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh và ngược lại.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng không nhỏ từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, gần đây nhất là cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu, sự sụt giảm của giá dầu thế giới. Trước bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách điều hành kinh tế vĩ mô đúng hướng. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê thì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2016 đạt 6,21%, mức tăng trưởng này tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện.

Dự báo nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017 sẽ có xu hướng phục hồi đà tăng trưởng nhờ các yếu tố thuận lợi trong nước như sức tăng của tổng cầu, tiêu dùng cải thiện, đầu tư tư nhân tiếp tục phát triển do môi trường kinh tế vĩ mô cùng với những cải cách thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp và hộ gia đình, v.v... Bên cạnh đó là các yếu tố nền kinh tế thế giới như triển vọng

phục hồi từ các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu, v.v... sẽ củng cố thêm cho triển vọng phát triển của nền kinh tế trong năm 2017. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới bất ổn, nền kinh tế trong nước còn tồn tại nhiều khó khăn, tăng trưởng năm 2017 được nhận định vẫn chưa thể bứt phá mạnh mẽ.

Trước những tác động của nền kinh tế, Công ty đã xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình dựa trên cơ sở hạn chế tới mức tối đa những tác động tiêu cực của nền kinh tế đến doanh nghiệp, cùng với đó là sử dụng tối đa những thuận lợi mà nền kinh tế mang lại cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó có thể phát huy tối đa tiềm lực vốn có của Công ty để có thể duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.



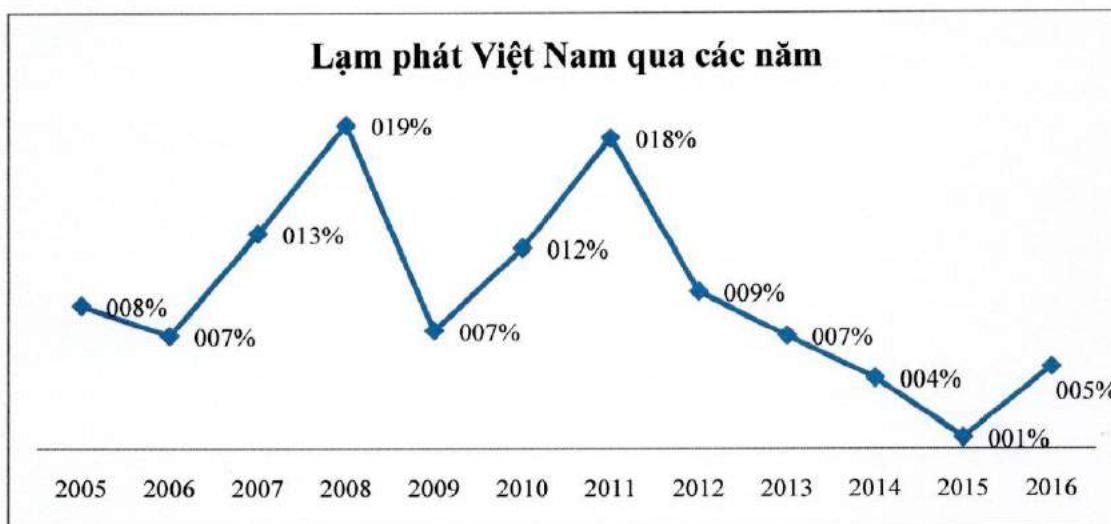
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

➤ **Rủi ro lạm phát**

Lạm phát là một yếu tố vĩ mô có thể tác động đến toàn bộ nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong giai đoạn từ năm 2008 - 2011, tỷ lệ lạm phát cao đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Kiểm chế lạm phát, ổn định vĩ mô vẫn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ trong giai đoạn từ 2011 – 2015, đồng thời, cũng được tái khẳng định trong kế hoạch kinh tế 05 năm giai đoạn 2016 – 2020.

Trong năm 2017, nhiều khả năng lạm phát sẽ gia tăng trở lại do nhiều nguyên nhân như: sự gia tăng giá xăng dầu, sự gia tăng thuế môi trường, sự gia tăng các loại phí dịch vụ công, v.v...

Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu và kiểm soát được giá cả đầu vào để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn ổn định và phát triển.



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

➤ **Rủi ro tỷ giá hối đoái:**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài bằng ngoại tệ. Trong khi đó, sản phẩm của Công ty chủ yếu lại được bán ở thị trường trong nước và được thanh toán bằng đồng Việt Nam. Vì vậy, khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp. Để hạn chế được các rủi ro này, bộ phận nghiên cứu thị trường luôn theo dõi và cập nhật các biến động về kinh tế, chính trị trên toàn thế giới nhằm đánh giá sự ảnh hưởng đến tỷ giá đồng tiền để báo cáo ban lãnh đạo xem xét và có phương án xử lý phù hợp. Bên cạnh đó, trong các giao dịch kinh tế với khách hàng, Công ty luôn ấn định các mức giá đầu vào và đầu ra phù hợp với tỷ giá tại thời điểm ký kết nhằm giảm thiểu sự ảnh hưởng của sự biến động tỷ giá, đảm bảo ổn định nguồn lợi nhuận cho Công ty.

➤ **Rủi ro lãi suất**

Với những doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất - thương mại thì vốn vay là một phần quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn vốn hoạt động trong từng thời kỳ. Vì vậy, sự biến động lãi suất mang lại rủi ro về chi phí lãi vay cho doanh nghiệp khá cao. Khi lãi suất tăng cao hơn so với

dự kiến sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh và làm giảm lợi nhuận so với dự kiến.

Trong những năm vừa qua, khoản vay nợ tài chính của Công ty có ảnh hưởng đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với việc sử dụng nguồn vốn vay tài chính lớn thì chi phí lãi vay tài chính hàng năm đã bào mòn nguồn lợi nhuận gộp mang lại từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nếu hoạt động kinh doanh của Công ty không ổn định và phát triển, cũng như lãi suất tăng cao hơn mức dự kiến sẽ ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty và có thể sẽ bị thua lỗ.

Đánh giá được ảnh hưởng lớn của việc sử dụng nguồn vốn vay lớn, trong những năm qua Bộ phận Tài chính – Kế toán của Công ty luôn cập nhật thường xuyên tình hình lãi suất của thị trường, bên cạnh đó cũng thường xuyên đánh giá các tác động của các thông tin về Kinh tế, Chính trị, xã hội trong và ngoài nước tới sự biến động của lãi suất thị trường để có những biện pháp phòng ngừa cần thiết, tránh sự bị động trong quá trình xử lý khi lãi suất tăng cao. Cùng với đó, ban lãnh đạo Công ty cũng đang hướng đến việc xây dựng lộ trình tăng nguồn vốn điều lệ Công ty trong những năm tiếp theo bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược, v.v... nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty, giảm thiểu nguồn vốn vay tài chính và chủ động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán, luật Bảo vệ Môi trường, các văn bản pháp luật quy định về hoạt động sản xuất các cấu kiện kim loại, cũng như các hoạt động kinh doanh khác của Công ty, v.v... Trên thực tế, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp, chặt chẽ hơn trong thời gian tới. Việc sửa đổi các quy định này cũng sẽ tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ Quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù của ngành sản xuất, kinh doanh các cấu kiện kim loại như rủi ro về nguồn nguyên liệu, rủi ro về cạnh tranh, rủi ro về thị trường, v.v...

➤ **Rủi ro về Nguyên vật liệu**

Nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là phôi nhôm (nhôm thỏi và nhôm billet), chiếm gần 90% cơ cấu giá thành sản xuất của Công ty. Nguồn cung cấp phôi nhôm đủ tiêu chuẩn sản xuất của Công ty hiện tại trong nước hiện nay hầu như không có, do đó, Công ty vẫn phải nhập khẩu nguyên liệu phôi nhôm từ nước ngoài, bao gồm các nước: Ấn độ, Nam phi, Úc, Malaysia, Taiwan, Singapore, v.v... Nguồn nguyên liệu đầu vào biến động sẽ ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của Công ty. Cụ thể, trong trường hợp giá nhôm thế giới biến động tăng giảm không theo chu kỳ trong khoảng thời gian 1-2 tháng từ khi Công ty ký hợp đồng nhập khẩu, mở L/C đến khi hàng về dẫn tới sự tăng giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm không như kế hoạch của Công ty. Đối mặt với rủi ro này, Công ty đã có biện pháp kiểm soát bằng cách luôn bám sát tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu đồng thời luôn đưa ra kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu thích hợp để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh từng thời kỳ.

➤ **Rủi ro về thị trường tiêu thụ:**

Thị trường tiêu thụ luôn là bài toán khó khăn nhất đối với các doanh nghiệp thuộc ngành nhôm. Tác động từ sự bất ổn của tình hình kinh tế thế giới (suy thoái, lạm phát, khủng hoảng tài chính kéo dài, v.v...) ảnh hưởng mạnh đến tình hình kinh tế của nhiều nước nhất là các nước đang phát triển.

Nền kinh tế Việt Nam cũng đang trong giai đoạn khó khăn, thị trường bất động sản mặc dù đã có những tín hiệu tích cực trong năm 2016 và những tháng đầu năm 2017 khi mà các công trình dân dụng và công nghiệp cũng như các dự án đầu tư trước đây bị đình trệ, ngừng triển khai đã bắt đầu thực hiện xây dựng trở lại nhưng vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức làm cho nhu cầu về nguyên vật liệu xây dựng cụ thể là các sản phẩm sắt thép, nhôm, v.v... chưa thực sự lớn mạnh.

Bên cạnh đó, thị trường nhôm định hình quốc tế hầu như đã phân chia xong thị phần là thách thức lớn khi Công ty muốn mở rộng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Mặt khác, Công ty gặp rào cản khi các nước đang tăng cường bảo hộ mậu dịch. Đây là các yếu tố có thể làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

➤ **Rủi ro về nhân lực:**

Các Công ty sản xuất luôn cần đội ngũ lao động khá lớn so với các Công ty khác để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn luôn diễn ra ở mức độ cao và rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn là một trong các tiêu chí mà Công ty phải quan tâm. Nhằm giảm thiểu rủi ro về nhân lực ở mức thấp nhất, Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ công nhân viên như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBCNV, thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân. Đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ lao động trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.

4. Các rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, v.v... là những rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Nguyễn Minh Kế	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Thanh Tùng	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha
-----------------------------	--

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Công ty:	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng
Tổ chức Tư vấn:	Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha
APSC:	Tên viết tắt Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT:	Hội đồng quản trị
BKS:	Ban Kiểm soát
BTGD:	Ban Tổng Giám đốc
TGD:	Tổng Giám đốc
CTCP:	Công ty cổ phần
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC:	Báo cáo tài chính
CBNV:	Cán bộ nhân viên
TTLK CK Việt Nam:	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BCTC:	Báo cáo tài chính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty****1.1. Giới thiệu chung về công ty**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng
- Tên Tiếng Anh: Song Hong Aluminium Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng

- Logo:



- Vốn điều lệ đăng ký: 206.934.370.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 206.934.370.000 đồng
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 20/02/2017
- Trụ sở chính: Phố Hồng Hà, Phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Chi nhánh tại Hà Nội: Số 115A, đường 70, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: 0210.3862644
- Fax: 0210.3862708
- Website: www.shalumi.com.vn
- Email: Info@shalumi.com.vn
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Kế - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2600213532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 07/10/2004, thay đổi lần thứ 09 ngày 01/12/2016.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

<i>Tên ngành nghề</i>	<i>Mã ngành</i>
- Sản xuất các cấu kiện kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất Nhôm định hình các loại; Các sản phẩm khác từ Nhôm</i>	2511

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng tiền thân là Công ty Nhôm Sông Hồng được thành lập vào tháng 4 năm 1999 thuộc Bộ Xây dựng. Sau đó, Công ty chính thức được chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần vào tháng 10 năm 2004 theo Quyết định số 1321/QĐ-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng với tên gọi là Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600213532 cấp lần đầu ngày 07/10/2004, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 01 tháng 12 năm 2016 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngay tại thời điểm thành lập ban đầu cho đến nay đều tập trung vào sản xuất kinh doanh các sản phẩm Nhôm định hình các loại và các sản phẩm khác từ nhôm.

Mức vốn điều lệ ban đầu của Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng là 8,6 tỷ đồng, cho đến thời điểm hiện tại thì mức vốn điều lệ của Công ty đã đạt 206,9 tỷ đồng. Trong những năm qua, Công ty luôn tập trung nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty thông qua việc tập trung mua sắm máy móc thiết bị tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo tính đồng bộ, tuần hoàn cho hoạt động của nhà máy. Với máy móc thiết bị hiện có, sản lượng hàng năm Công ty có thể sản xuất 17.000 tấn sản phẩm các loại. Các máy móc thiết bị của Công ty được đảm bảo tính khép kín từ khâu luyện đúc nhôm hợp kim chất lượng cao với dây chuyền cán ép tiên tiến của Đài Loan cùng các thiết bị oxy hoá nhuộm màu được sản xuất, liên doanh giữa Đài Loan và Mỹ thế hệ mới.

Công ty có 03 phân xưởng sản xuất chính:

- Phân xưởng đúc nhôm Billet với công suất 17.000 tấn/năm;
- Phân xưởng Cán ép 1 và Cán ép 2 với công suất 17.000 tấn/năm;

- Phân xưởng Oxi hóa – Sơn tĩnh điện – Phin vân gỗ với công suất 17.000 tấn/năm.

Tháng 02/2008, Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Tuy nhiên, đến tháng 09/2010 do có sự thay đổi số lượng cổ đông dẫn đến số lượng cổ đông của Công ty nhỏ hơn 100 cổ đông và không còn đáp ứng đủ điều kiện là Công ty đại chúng. Ngày 15/9/2010, UBCKNN có công văn số 2929/UBCK-QLPH về việc rút tên Công ty đại chúng, theo đó UBCKNN đã rút tên Công ty khỏi danh sách Công ty đại chúng kể từ ngày 17/9/2010.

Ngày 20/02/2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại công ty đại chúng với UBCKNN.

Trải qua hơn 17 năm hình thành và phát triển, Công ty đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh cũng như tạo dựng được uy tín đối với các đối tác bạn hàng. Các sản phẩm Công ty sản xuất đều được bạn hàng tin tưởng và đánh giá cao về chất lượng cũng như độ thẩm mỹ của sản phẩm. Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty còn vinh dự được nhận các huy chương vàng chất lượng cao Ngành xây dựng, Huy chương vàng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao và huân chương lao động hạng ba của Nhà Nước. Cụ thể:

STT	Tên Huy chương, Bằng khen	Đơn vị cấp	Ngày trao
1	Huy chương vàng chất lượng cao Ngành Xây dựng	Bộ Xây dựng	17/04/2000
2	Huy chương vàng tại hội trợ Triển lãm Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam	Ban tổ chức Hội chợ	23/10/2000
3	02 Huy chương vàng chất lượng cao Ngành Xây dựng (Loại mờ + Loại bóng)	Bộ Xây dựng	17/01/2001
4	Huy chương vàng tại Hội trợ Triển lãm Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam	Ban tổ chức Hội chợ	22/10/2001
5	2 Huy chương vàng chất lượng cao Ngành Xây dựng (Loại mờ + Loại bóng)	Bộ Xây dựng	20/06/2002
6	Huy chương vàng Hội chợ hàng Việt Nam chất	Ban tổ chức Hội	18/05/2002

	lượng cao phù hợp tiêu chuẩn Made in Vietnam.	chợ	
7	Huy chương vàng tại Hội trợ Triển lãm Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam, cấp ngày 22 tháng 10 năm 2002	Ban tổ chức Hội chợ	22/10/2002
8	Huy chương vàng Hội chợ "Vietnam Conexpo 2003", cấp ngày 30 tháng 4 năm 2003	Ban tổ chức Hội chợ	30/04/2003
9	Giải thưởng cao quý " Sao Vàng đất Việt".	Trung ương Đoàn cùng Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam	08/09/2005
10	Giải "Năm năm sản phẩm chất lượng cao ngành Xây dựng 2001-2006"	Bộ Xây dựng	20/04/2006
11	Huân chương lao động Hạng ba	Chủ tịch nước	10/03/2009

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)



(Lễ đón nhận Huân chương lao động hạng ba của Công ty)

Bước sang năm 2017 với những thách thức cũng như cơ hội phía trước, Ban lãnh đạo cùng CBCNV Công ty nguyện đồng tâm, đồng lòng để thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty giao phó, cũng như đưa sản phẩm Nhôm Sông Hồng thương hiệu Shalumi chiếm lĩnh được thị trường trong nước và đẩy mạnh được xuất khẩu ra thị trường thế giới.

1.3. Tóm tắt quá trình tăng vốn:

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn 03 lần, cụ thể được thể hiện ở bảng sau:

STT	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ trước khi tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức phát hành
-----	----------------------	--------------------------------------	---------------------------------	------------------------------------	---------------------

1	Năm 2007	8,6	11,4	20	Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
2	Năm 2011	20	60	80	<p>Chia làm 2 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: Tăng vốn từ 20 tỷ lên 30 tỷ. Bằng hình thức phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong năm 2010. - Giai đoạn 2: Tăng vốn từ 30 tỷ lên 80 tỷ bằng hình thức phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong năm 2011.
3	Năm 2016	80	126,9	206,9	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi công nợ và phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

❖ **Tăng vốn lần 1:**

• **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2007 ngày 08 tháng 05 năm 2007;
- Nghị quyết HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2007;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 04 ngày 01/10/2007.

- **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 8.600.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 20.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông phát hành: 80 cổ đông
- Tỷ lệ phát hành: 8,6:20 (Cứ 01 (một) cổ phiếu được nhận 01 (một) quyền, cứ 86 (tám mươi sáu) quyền được mua 200 cổ phiếu mới)
- Số lượng phát hành: 1.140.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.500 đồng/cp
- Giá trị phát hành: 11.970.000.000 đồng.
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền

- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:**

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu được Công ty sử dụng để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- ❖ **Tăng vốn lần 2:**

- ✓ **Tăng vốn giai đoạn 1: Từ 20 tỷ lên 30 tỷ**

- **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 28 tháng 05 năm 2010;
- Nghị quyết HĐQT ngày 02 tháng 08 năm 2010;
- Nghị quyết HĐQT ngày 15 tháng 09 năm 2010;
- Danh sách cổ đông trước và sau phát hành.
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010.

- **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 20.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 30.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông phát hành: 92 cổ đông
- Tỷ lệ phát hành: 2:1 (Cứ 01 (một) cổ phiếu được nhận 01 (một) quyền, cứ 02 (hai) quyền được mua 01 cổ phiếu mới)
- Số lượng phát hành: 1.000.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.500 đồng/cp
- Giá trị phát hành: 10.500.000.000 đồng.
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền

- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:**

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu được Công ty sử dụng để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- ✓ **Tăng vốn giai đoạn 2: Từ 30 tỷ lên 80 tỷ đồng**

- **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 ngày 25 tháng 08 năm 2011;
- Nghị quyết HĐQT ngày 27 tháng 08 năm 2011;
- Nghị quyết HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2011;
- Danh sách cổ đông trước và sau phát hành;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1803000237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 16/12/2011.

- **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 30.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến:
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành thực tế: 80.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Số lượng phát hành dự kiến: **5.010.000 cổ phiếu**, trong đó:
 - *Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức tỷ lệ 10%: 300.000 cổ phiếu*
 - *Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 2.790.000 cổ phiếu*
 - *Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 1.920.000 cổ phiếu, tỷ lệ phát hành 1:0,64.*
- Số lượng phát hành thực tế: **5.000.000 cổ phiếu**, trong đó:
 - *Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức tỷ lệ 10%: 300.000 cổ phiếu*
 - *Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 2.790.000 cổ phiếu*
 - *Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 1.910.000 cổ phiếu*
- Giá phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cp

- Giá trị phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến: 19.200.000.000 đồng.
- Giá trị phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu thực tế: 19.100.000.000 đồng
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền

- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:**

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được Công ty sử dụng để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- ❖ **Tăng vốn lần thứ 03:**

- **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 07 năm 2016;
- Công văn số 02/CV-ĐKKD của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ ngày 11/11/2016 về việc chào bán cổ phần riêng lẻ của Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng;
- Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 1/1/2016-23/11/2016;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2600213532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 01 tháng 12 năm 2016.

- **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 206.934.370.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu hoán đổi các khoản nợ, Phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 12.693.437 cổ phiếu
 - Phát hành cổ phiếu hoán đổi cho chủ nợ:
 - Số lượng chủ nợ hoán đổi: 08 người

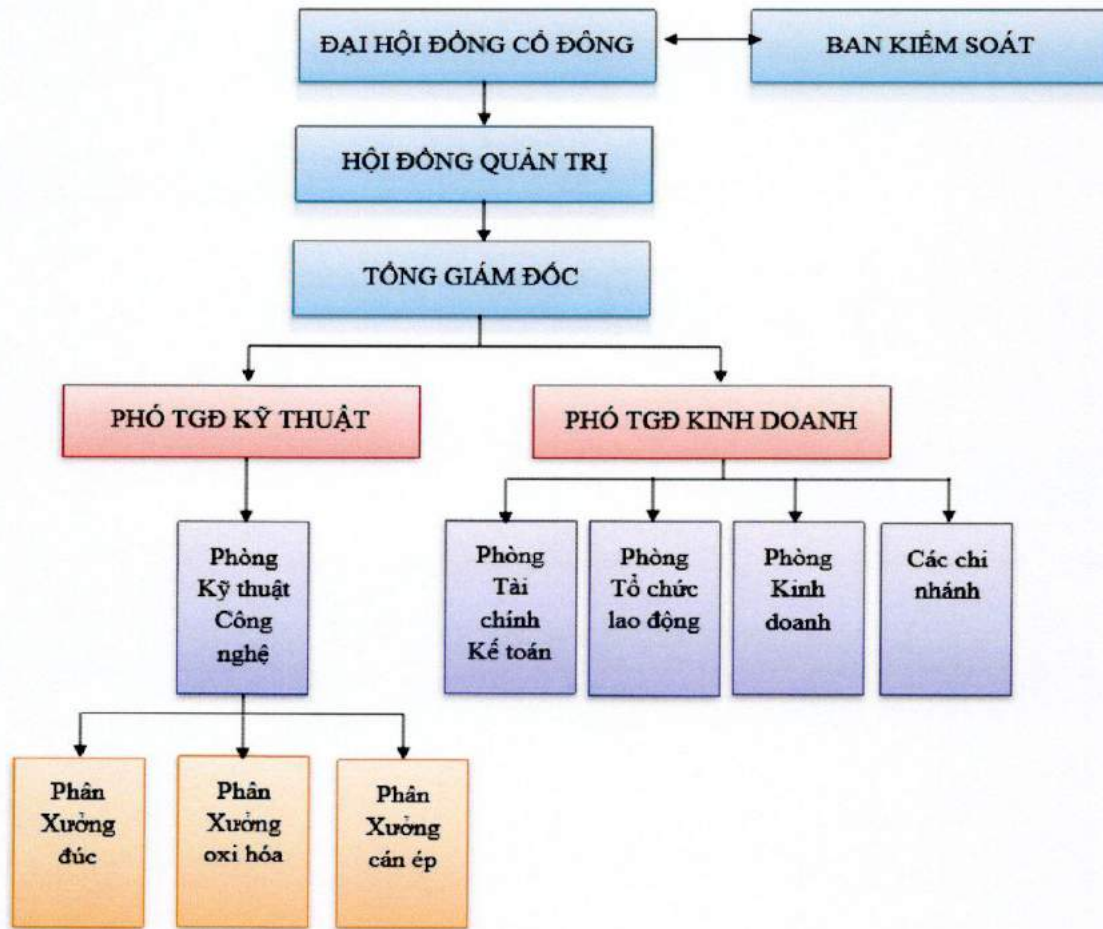
- Giá trị nợ gốc hoán đổi: 49.999.951.200 đồng
- Giá hoán đổi: 10.200
- Số lượng cổ phiếu phát hành hoán đổi:
4.901.956 cổ phiếu.
- Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:
 - Số lượng cổ đông phát hành chào bán: 86 cổ đông
 - Tỷ lệ phát hành: 1:1
 - Số lượng cổ phiếu phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến: 8.000.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu chào bán được: 7.791.481 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Giá trị phát hành theo mệnh giá:
77.914.810.000 đồng
 - Hình thức góp vốn: nộp tiền vào tài khoản Công ty.

- ***Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:***

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được Công ty sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động và mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

- Sơ đồ tổ chức:



(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

🔗 Diễn giải sơ đồ:

Hiện tại Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng đang áp dụng mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo quyết định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

✓ Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

✓ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

✓ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

✓ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

✓ Chức năng các phòng ban:**○ Phòng Tổ chức lao động:**

Phòng Tổ chức lao động có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

○ Phòng Tài chính - Kế toán:

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

- Phân tích tình hình tài chính trong quá trình đầu tư, khai thác dự án, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng giám đốc.

- o **Phòng Kinh doanh:**

- Xây dựng, điều độ kế hoạch sản xuất và bán hàng hàng tháng/quý/năm
- Công tác marketing, tiêu thụ sản phẩm và thu hồi công nợ
- Công tác xuất nhập khẩu nguyên vật liệu và sản phẩm
- Công tác mua sắm vật tư phục vụ việc SXKD trong công ty
- Quản lý các loại vật tư, kho vật tư phục vụ sản xuất, kho thành phẩm trong nước và xuất khẩu
- Báo cáo về việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm mỗi 10 ngày, mỗi tháng và tổng kết hàng năm
- Quảng bá hình ảnh công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang web của Công ty
- Đóng gói, bốc xếp vật tư, hàng hóa phục vụ bán hàng, vận chuyển hàng của Công ty đến các Đại lý tiêu thụ.

- o **Phòng Kỹ thuật Công Nghệ:**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất căn cứ vào kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của phòng kinh doanh hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, cả năm.
- Điều độ sản xuất hàng ngày trong Công ty, giao kế hoạch sản xuất cho các Phân xưởng.
- Quản lý hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, máy móc thiết bị, khuôn mẫu; quản lý toàn bộ hệ thống nước, cơ giới của Công ty.
- Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng bán thành phẩm và sản phẩm nhập kho (KCS)
- Nghiên cứu khoa học kỹ thuật: phát huy sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa dây chuyền sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới quy trình công nghệ.
- Chỉ đạo, kiểm tra thực hiện đúng quy trình kỹ thuật công nghệ và an toàn lao động cũng như quy trình ISO 9001 - 2008.

- o **Phân xưởng Đúc – Cán ép – Oxy hóa**

- Quản lý chặt chẽ nhân lực, vật tư thiết bị và quản lý tốt quy trình kỹ thuật công nghệ để sản xuất sản phẩm có chất lượng tốt, năng suất cao và hoàn thành kế hoạch Công ty giao.

- Tổ chức điều hành; phân công bố trí ca phù hợp để phát huy hết khả năng của tập thể người lao động trong phân xưởng nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.
- Phối hợp với phòng Tổ chức lao động, phòng Kỹ thuật công nghệ để xây dựng hệ thống định mức, đơn giá nội bộ trong Công ty, làm tốt công tác đào tạo; an toàn lao động
 - o *Các chi nhánh cửa hàng – đại lý:*
- Phối hợp với phòng Kinh doanh để làm tốt công tác tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, lập kế hoạch tiêu thụ hàng tháng, hàng quý; tổ chức bán hàng và thu hồi vốn.
- Lập báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị 10 ngày 1 lần gửi về Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 22/05/2017

TT	Họ và Tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%) VDL
1	Nguyễn Minh Kế	Số 012720001, cấp ngày 30/06/2004, tại Hà Nội	Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội	4.697.290	22,70
2	Đào Thị Kim Phụng	Số 013584497, cấp ngày 01/09/2012, tại Hà Nội	Tập thể Viện chăn nuôi, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1.526.570	7,38
Tổng cộng				6.223.860	30,08

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 07/10/2004. Do đó, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay các quy định về hạn chế chuyển nhượng với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

3.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 22/05/2017

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CĐ	TỶ LỆ (%)
I	Trong nước	20.693.437	233	100
1	Tổ chức	208.519	1	1,01
2	Cá nhân	20.484.918	232	98,99
II	Nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
Tổng cộng		20.693.437	233	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

4.1. Công ty mẹ: Không có

4.2. Công ty con: Không có

4.3. Công ty liên kết:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng 26
- Địa chỉ: Phố Tiên Phú, phường Cát Tiên, T.p Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 02103840648 Fax: 02103845460
- Người đại diện theo Pháp luật: Ông Trịnh Văn Hậu – Giám đốc Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500162066 đăng ký lần đầu ngày 22/10/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 18/04/2013.
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình công ích, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, v.v...
- Vốn điều lệ theo đăng ký: 6.500.000.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 5.100.000.000 đồng
- Số lượng và tỷ lệ cổ phần Công ty nắm giữ: nắm giữ 126.445 cổ phần tương ứng 24,79% tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng 26.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính:

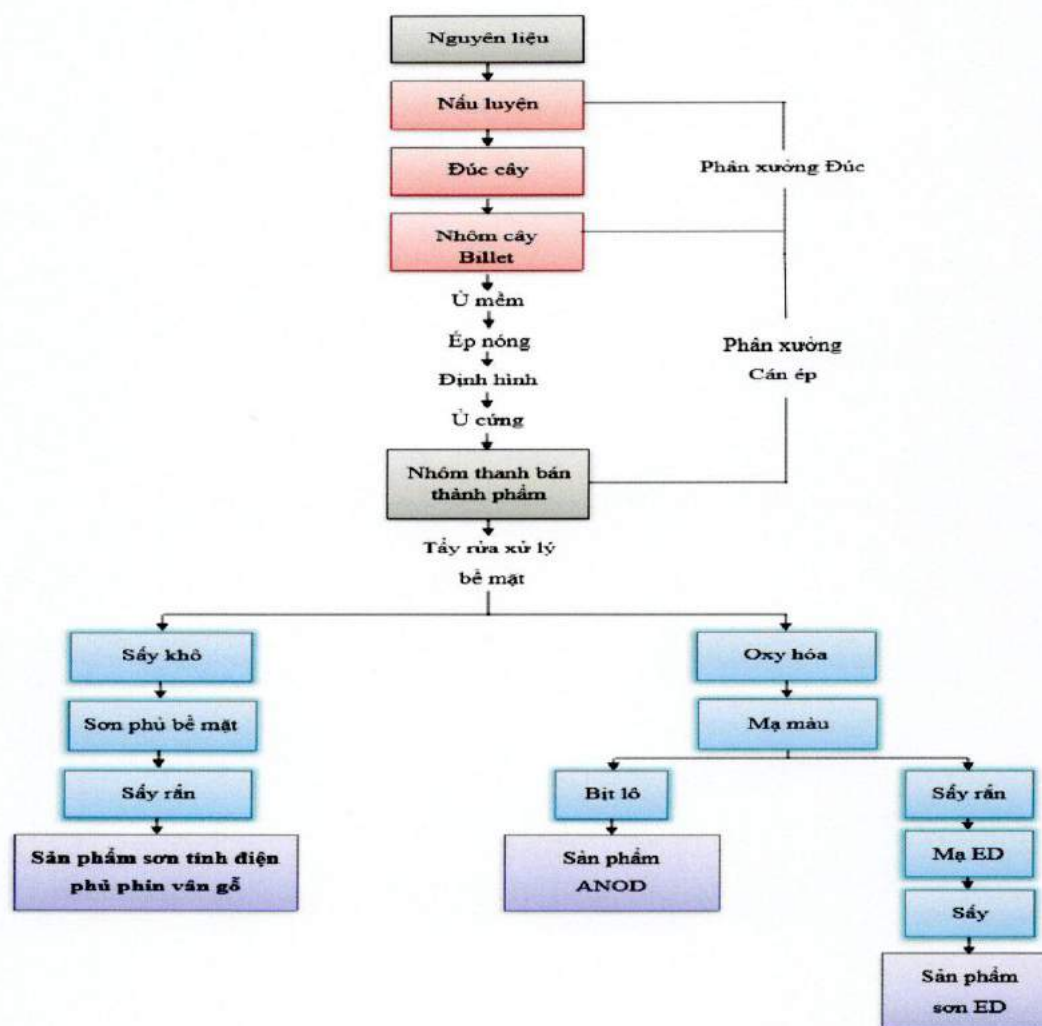
Với những ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hiện nay hoạt động kinh doanh chính của Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng là Sản xuất nhôm định hình các loại và các sản phẩm khác từ nhôm. Các sản phẩm chính của Công ty trong những năm vừa qua tập trung vào 03 sản phẩm là Nhôm định hình ANOD, Nhôm định hình Sơn ED và Nhôm định hình Sơn tĩnh điện phủ phin vân gỗ.

Sản phẩm của Công ty trong những năm vừa qua được phân phối cả thị trường trong nước lẫn xuất khẩu. Trong đó tập trung chủ yếu là thị trường trong nước với sản lượng chiếm 80% và xuất khẩu chiếm 20% sản lượng hàng năm.

Đối với thị trường trong nước, kênh phân phối sản phẩm của Công ty tập trung chủ yếu thông qua các đại lý độc quyền, bao gồm các đại lý tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh. Các đại lý này phân phối tới 90% sản lượng trong nước của Công ty, 10% sản lượng còn lại là Công ty phân phối trực tiếp cho các tỉnh thành khác trong cả nước.

Với thị trường xuất khẩu, trong những năm vừa qua Công ty phân phối trực tiếp cho thị trường Mỹ, Canada và Nhật bản. Đối với các thị trường này, việc Công ty phân phối tới 20% sản lượng hàng năm của Công ty cũng đã là một thành công lớn khi thị trường thế giới đã phân chia xong thị phần. Tuy nhiên, với mục tiêu trở thành một doanh nghiệp đầu ngành về sản xuất Nhôm định hình thì Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng các kế hoạch để nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm bằng việc tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị mới cho Công ty, cử cán bộ có chuyên môn cao đi đào tạo nước ngoài để từ đó mở rộng hơn nữa thị trường xuất khẩu trong những năm tiếp theo.

Quy trình sản xuất sản phẩm được sơ lược qua sơ đồ sau:



✓ Sản phẩm Nhôm định hình ANOD:

Sau quá trình sản xuất Nhôm định hình bán thành phẩm và đã được xử lý qua quá trình tẩy rửa làm sạch bề mặt, để thu được sản phẩm Nhôm định hình ANOD phải trải qua một công đoạn được gọi là “anodizing” (điện phân các anode) nhằm tăng độ cứng và bề mặt được bảo vệ theo năm tháng. Quá trình Anodizing bao gồm các công đoạn sau:

- Oxy hóa cực dương (Anod hóa bề mặt): là xử lý bề mặt bằng oxy hóa dương cực, tạo thành màng ôxit nhân tạo bền vững; tạo thành lớp ôxit trên bề mặt nhôm là dưới hiệu điện thế đủ mạnh qua một dung dịch điện giải riêng sử dụng trực tiếp dòng điện.

Đưa sang bể Ôxy hóa bằng dung dịch H_2SO_4 có nồng độ 160 – 170 g/l, mật độ dòng điện 135 – 140 A/dm² thời gian 15 – 20 phút, nhiệt độ 18 – 20 °C.

- Rửa nước.
- Mạ màu (nhuộm màu điện hóa): là quá trình tạo lớp màu ôxit anot đặc trưng bằng phương pháp điện phân. Sau khi các sản phẩm này được qua mạ, các phân tử kim loại hoặc các phân tử ô xít kim loại có thể được giữ trong các lỗ cơ sở của lớp ô xít, sau đó qua sự bức xạ và khúc xạ dưới ánh sáng. Tạo nên các màu sắc và độ sâu hoặc nồng của màu sắc sẽ tùy thuộc vào các kim loại được giữ trong các lỗ cơ sở. Nhuộm màu vàng kim (hoặc nâu, ghi) tiếp theo được rửa nước.
- Bịt lỗ: được sử dụng sau khi mạ nhôm, nhằm ngăn ngừa sự hydrat hóa và sự ăn mòn do ảnh hưởng của thời tiết và ánh sáng. Chất bịt lỗ là hỗn hợp Ni-F, bao gồm polyme F, hóa chất xúc tác, chất ổn định và sự thẩm thấu của sự khử màu xám, muối kim loại coban, chất gây phân tán, chất hoạt tính bề mặt.
- Rửa nước, quạt khô và xuống giá bó, đóng gói nhập kho kết thúc hàng ANOD.

✓ **Sản phẩm Nhôm định hình Sơn ED:**

Nhôm định hình Sơn ED là sản phẩm Nhôm định hình ANOD được phủ thêm lớp sơn bóng nhằm tăng tính thẩm mỹ và độ bền cho sản phẩm. Quá trình sản xuất Nhôm định hình Sơn ED được thực hiện tiếp theo của sản phẩm Nhôm định hình ANOD, chi tiết quá trình sản xuất như sau:

- Có các bước oxy hóa cực dương, rửa nước, mạ màu như sản phẩm nhôm ANOD
- Rửa nước nóng nhiệt độ 55 – 60°C, rửa nước mềm.
- Mạ ED: phủ bóng ED là quá trình điện hóa kết tủa lớp sơn bóng không màu trên bề mặt thanh nhôm, tạo nên bề mặt sản phẩm một lớp sơn bóng đẹp, bền màu. Hóa chất điện ly là polyme hữu cơ.

Bề mạ bóng ED có thành phần rắn 5,5 – 6,0 g/l sau đó qua hai bể rửa RO1, RO2, giá nghiêng để ráo nước đưa vào lò sấy có nhiệt độ 180 – 200 °C, vận chuyển ngang, xuống giá đóng gói nhập kho kết thúc hàng ED.

✓ **Sản phẩm Nhôm định hình Sơn tĩnh điện – phủ pin vân gỗ:**

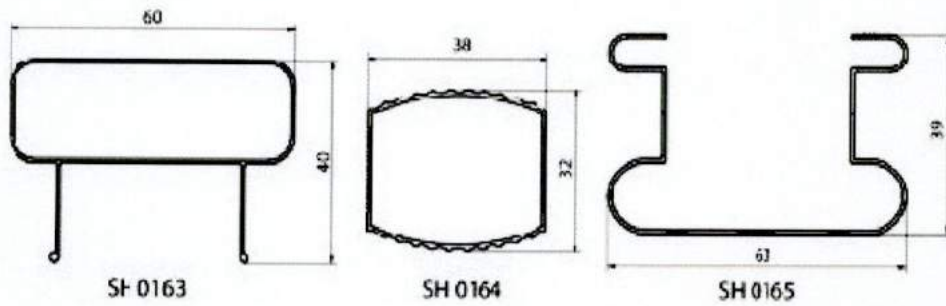
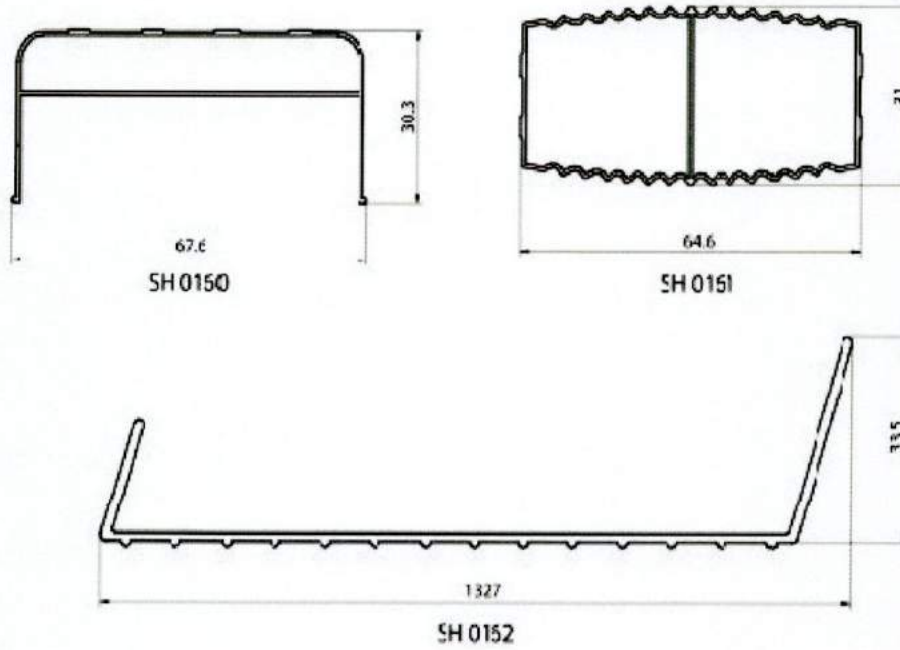
Quy trình sản xuất Nhôm định hình Sơn tĩnh điện – Phủ pin vân gỗ được thực hiện sau quá trình tẩy rửa, làm sạch bề mặt sản phẩm Nhôm định hình bán thành phẩm nhằm tạo tính thẩm mỹ

cao, thân thiện với thiên nhiên không có cảm giác công nghiệp hóa cho sản phẩm. Chi tiết quy trình sản xuất như sau:

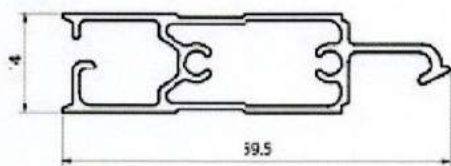
- Sấy khô: Sấy khô bề mặt sản phẩm trước khi sơn. Sản phẩm sau khi xử lý hóa chất phải được làm khô trước khi sơn, lò sấy khô sản phẩm có chức năng sấy khô hơi nước để nhanh chóng đưa sản phẩm vào sơn, nhiệt độ 180 – 200⁰C. Sản phẩm được treo lên giá vào lò sấy, nguyên liệu đốt là Gas.
- Phun sơn: sản phẩm sau khi xử lý hóa chất và sấy khô được đưa vào buồng phun. Do đặc tính của sơn tĩnh điện bột là dạng sơn bột, nên khả năng bám dính của sơn lên bề mặt kim loại là nhờ lực tĩnh điện.
- Sấy rắn: Sấy định hình và hoàn tất sản phẩm sau khi phun sơn, sản phẩm được đưa vào lò sấy. Nhiệt độ sấy: 180 – 200⁰C trong thời gian 25 -30 phút sơn được hóa rắn. Lò sử dụng nguyên liệu đốt là Gas.
- Sản phẩm sau khi sấy rắn để nguội dùng giấy phin giá vân gỗ phủ lên và cho qua lò gas và điện hấp nhiệt 180 – 200⁰C trong thời gian 5 -10 phút rồi cho ra bóc bỏ lớp giấy phủ bên ngoài xuống giá đóng gói nhập kho kết thúc hàng Sơn tĩnh điện phủ phin vân gỗ.

Với tính ưu việt vốn có của Nhôm như: khó bị oxi hóa trong môi trường sống, nhẹ và có độ bền cao thì hiện nay các sản phẩm từ Nhôm được sử dụng rất nhiều trong sản xuất công nghiệp và đời sống. Các sản phẩm của Công ty được sử dụng nhiều trong các lĩnh vực Xây dựng. Tùy theo nhu cầu sử dụng của thị trường và của khách hàng mà các sản phẩm của Công ty sẽ được sản xuất theo các tiêu chuẩn kỹ thuật cho từng mục đích sử dụng như Hệ cửa sổ, hệ cửa cuốn, hệ cửa lùa, hệ cầu thang, hệ tủ, hàng Công nghiệp, v.v...

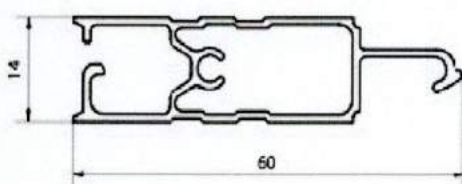
Một số hình ảnh về tính ứng dụng sản phẩm của Công ty



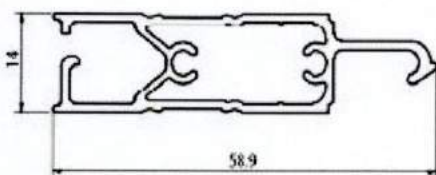
Hệ cửa cuốn



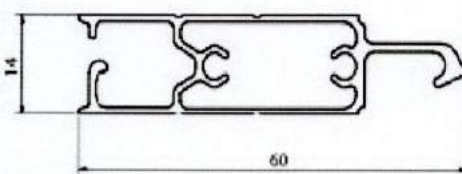
SH 718



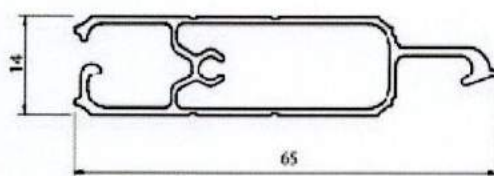
SH 719



SH 720



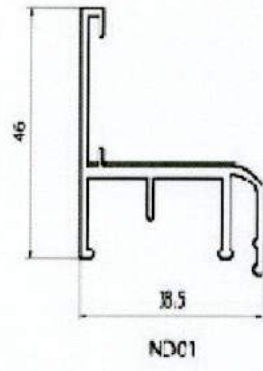
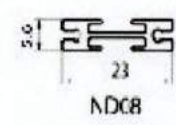
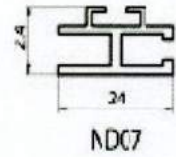
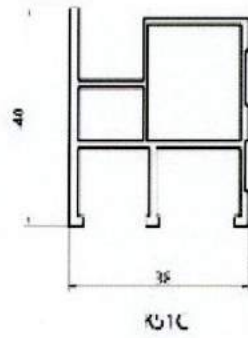
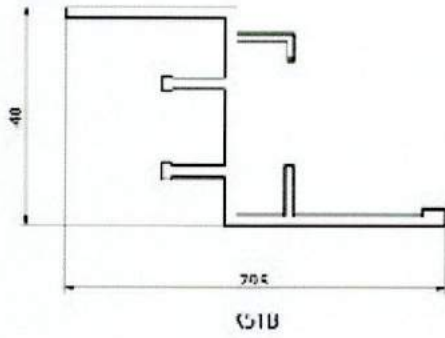
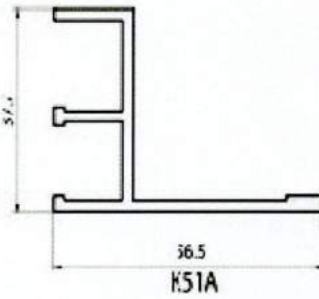
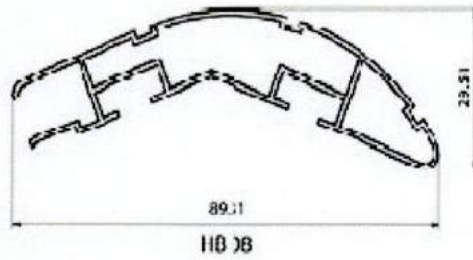
SH 721



SH 722



Công nghiệp



5.2. Doanh thu và lợi nhuận theo từng nhóm sản phẩm dịch vụ qua các năm

✓ Cơ cấu Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ năm 2015-2016 và quý 1 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		Quý I/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu Bất động sản	1.107.187.420	0,1	-	-	-	-
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.148.694.324.010	99,9	1.204.644.348.813	100	221.782.071.320	100
Tổng Doanh thu thuần	1.149.801.511.430	100	1.204.644.348.813	100	221.782.071.320	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Doanh thu thuần của Công ty từ khi thành lập đến nay chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh Nhôm định hình. Trong năm 2015 do nhu cầu thu hồi nguồn vốn đầu tư nên Công ty đã thực hiện chuyển nhượng Chung cư CT4 Khu đô thị mới An Hưng – Hà Đông – Hà Nội, dẫn đến phát sinh doanh thu bất động sản trong năm 2015 với giá trị 1.107.187.420 đồng, chiếm tỷ trọng 0,1% tổng doanh thu thuần trong năm 2015 của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 vẫn duy trì sự ổn định với mức tăng trưởng nhẹ so với năm 2015. Doanh thu thuần của Công ty năm 2016 tăng 54,84 tỷ đồng so với năm 2015 tương ứng với mức tăng 4,77%. Doanh thu năm 2016 tăng nhẹ so với năm 2015 do từ giữa năm 2016 trở đi nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm Nhôm định hình mà Công ty sản xuất ngày càng tăng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý I/2017 mặc dù bị ảnh hưởng bởi ngày nghỉ lễ tết cổ truyền dân tộc kéo dài nhưng vẫn đảm bảo được sự ổn định khi doanh thu thuần đạt 221,8 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 18,41% so với năm 2016.

✓ Cơ cấu Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		Quý I/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
Lợi nhuận gộp Bất động sản	(490.604.580)	-0,04	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp bán thành phẩm, hàng hóa	69.495.191.594	6,44	72.824.867.408	6,05	18.821.039.323	8,49
Tổng lợi nhuận gộp	69.004.587.014	6,04	72.824.867.408	6,05	18.821.039.323	8,49

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Tương tự doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của Công ty trong các năm qua chủ yếu từ hoạt động sản xuất nhôm định hình và các sản phẩm khác về nhôm. Lợi nhuận gộp năm 2016 tăng nhẹ so với năm 2015 với mức tăng 5,54%. Biên lợi gộp năm 2015-2016 giữ ở mức 6,04%-6,05%.

Quý I năm 2017, biên lợi gộp đạt mức 8,49%, tăng hơn so với mức trung bình của năm 2015-2016 do nhu cầu của thị trường về sản phẩm của Công ty ngày càng lớn dẫn đến mức giá bán được đẩy tăng từ 1% đến 1,3% so với mức giá của năm 2016.

5.3. Nguyên vật liệu:

✚ Nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất nhôm định hình các loại và các sản phẩm khác từ nhôm nên nguyên vật liệu chủ yếu phục vụ cho hoạt động của Công ty là phôi nhôm và một số các nguyên liệu khác phục vụ cho việc sản xuất các loại sản phẩm, vận hành máy móc thiết bị.

🌟 Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của Công ty. Do nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nguyên liệu ổn định với chi phí thấp nên Công ty đã chủ động trong việc ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ các nhà cung cấp có uy tín trên thị trường, nguồn gốc sản phẩm rõ ràng và chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo.

Bảng danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Great Class Trading Corp	RM 2515 China Merchants tower, shun tak centre, 200 connaught Rd, Central, Hong Kong.	Nhôm Billet 6063
2	Yu – Wei Aluminum Co.,ltd	15-2, Tung Ning Rd., Tung Ning Village, Chiu Ju Township.	Nhôm Billet 6063
3	Stx Corporation	STX Namsan Tower, 631 Namdaemunno 5-GA	Nhôm thỏi
4	Fausto Holdings Limited	RM 0806, 8/F Kowloon Building, 555 Nathan Road, Mongkok, Kowloon, Hong Kong.	Nhôm Billet 6063
5	Eco Tropical Resources Pte	RM 0806, 8/F Kowloon Building,	Nhôm thỏi

	ltd	555 Nathan Road, Mongkok, Kowloon, Hong Kong.	
6	Nanning Yong Hou Feng Import & Export Trade Co.,ltd	Room 17-4 Building 17 Yi He Yuan Xiao Qu.3-1 Anji Road, Nanning, Guang, China	Chất phủ dạng bột

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

➤ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Do ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất do đó chi phí hoạt động sản xuất chính là chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Chính vì vậy, giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng nhất định đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Trong những năm gần đây, giá xăng dầu thế giới và trong nước có nhiều biến động, sự biến động này khiến hầu như tất cả các loại hàng hóa khác cũng biến động do chi phí đầu vào thay đổi và nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là Phôi Nhôm (Nhôm thời, Nhôm Billet) cũng không là ngoại lệ. Sự biến động này sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty nếu Công ty không có các biện pháp phân tích hiệu quả. Tuy nhiên, bằng các biện pháp đánh giá, phân tích, dự đoán trước diễn biến sự biến động giá của các mặt hàng nguyên vật liệu, chủ động ký kết các hợp đồng tương lai với các nhà cung cấp uy tín, tạo nguồn hàng luôn ở tình trạng sẵn có, Công ty đã giảm thiểu tối đa sự ảnh hưởng này đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

5.4. Chi phí sản xuất:

Các khoản mục chi phí	Năm 2015		Năm 2016		Quý I/2017	
	Giá trị (VND)	%/DTT	Giá trị (VND)	%/DTT	Giá trị (VND)	%/DTT
Giá vốn hàng bán	1.080.796.924.416	94,00	1.131.819.481.405	93,95	202.961.031.997	91,51
Chi phí tài chính	43.527.993.180	3,79	43.659.137.524	3,62	9.459.409.467	4,27
Chi phí bán hàng	6.828.973.223	0,59	6.852.832.757	0,57	1.481.796.793	0,67
Chi phí quản lý DN	11.794.295.649	1,03	10.511.578.211	0,87	2.057.209.826	0,93

Tổng cộng	1.142.948.186.468	99,41	1.192.843.029.897	99,01	215.959.448.083	97,38
------------------	--------------------------	--------------	--------------------------	--------------	------------------------	--------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm (năm 2015 chiếm tỷ trọng 94,00%, năm 2016 chiếm tỷ trọng 93,95% và Quý I/2017 chiếm 91,51%)

Mặc dù chi phí tài chính chiếm tỷ trọng không lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty (năm 2015 chiếm tỷ trọng 3,79%, năm 2016 chiếm tỷ trọng 3,62% và quý I/2017 chiếm tỷ trọng 4,27%) nhưng khoản mục chi phí này lại chiếm trên 50% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty, trong khi đó hoạt động doanh thu tài chính mang về không đáng kể dẫn đến làm giảm mạnh nguồn lợi nhuận thu được của Công ty trong các năm qua.

Nhận định được nhu cầu cần thiết cần phải giảm thiểu nguồn chi phí tài chính đồng thời tăng năng lực nguồn vốn tự có của Công ty, trong năm 2016 Công ty đã xem xét cắt giảm, tắt toán một số nguồn vốn vay đồng thời tháng 11/2016 Công ty đã thực hiện thành phát hành cổ phiếu hoán đổi công nợ cho các chủ nợ và phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá trị hoán đổi 49.999.951.200 đồng và giá trị phát hành chào bán được là 77.914.810.000 đồng đã mang lại nguồn vốn ổn định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu chi phí phát sinh từ vốn vay, đồng thời nguồn vốn này khi đi vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ hứa hẹn mang lại nguồn lợi nhuận cao trong năm 2017 và những năm tiếp theo cho Công ty.

Ngoài ra, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty.

5.5. Trình độ công nghệ

Do tình hình kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng ngày càng phát triển kéo theo đòi hỏi của khách hàng ngày càng khắt khe hơn đối với chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Vì vậy, ngoài việc duy trì và cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng. Công ty luôn quan tâm đến việc cải tiến công nghệ nhằm đảm bảo các sản phẩm của Công ty luôn đạt chất lượng cao, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Các máy móc thiết bị đặc thù có giá trị cao tham gia phần lớn vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được bảo dưỡng theo tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ đảm bảo về tính chất lượng, hiệu năng của máy móc thiết bị. Bên cạnh đó, với tình trạng hoạt động

hiện tại của các máy móc thiết bị đạt trên 70% so với năng suất ban đầu sẽ đáp ứng đủ các tiêu chí để phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp theo.

Một số máy móc, thiết bị của Công ty

STT	Tên máy móc	Số lượng	Nước sản xuất
1	Hệ thống lò Đúc nhôm Billet 10 Tấn/mẻ	03	Trung quốc
2	Hệ thống lò ủ đồng đều nhôm Billet 15 Tấn/mẻ	01	Trung quốc
3	Hệ thống máy Cán ép nhôm 1350 USTON	01	Đài loan
4	Hệ thống máy Cán ép nhôm 880 USTON	01	Đài loan
5	Hệ thống máy Cán ép nhôm 550 USTON	01	Đài loan
6	Hệ thống máy Cán ép nhôm 1250 USTON	01	Trung quốc
7	Hệ thống máy Cán ép nhôm 800 USTON	04	Trung quốc
8	Hệ thống máy Cán ép nhôm 638 USTON	01	Trung quốc
9	Dây truyền mạ Anod - ED 5.000 Tấn/năm	01	Trung quốc- Đài loan
10	Dây truyền mạ Anod - ED 8.000 Tấn/năm	01	Trung quốc
11	Dây truyền Sơn tĩnh điện - phủ phin vân gỗ 3.000 Tấn/năm	01	Trung quốc
12	Dây truyền Sơn tĩnh điện - phủ phin vân gỗ 5.000 Tấn/năm	01	Trung quốc
13	Dây truyền Sơn tĩnh điện - phủ phin vân gỗ 5.000 Tấn/năm	01	Trung quốc

14	Trạm biến thế Điện 35 KV/0.4-1.500 KVA	02	ABB
15	Trạm biến thế Điện 35 KV/0.4-1.500 KVA	01	Việt nam
16	Trạm biến thế Điện 25 KV/0.4-2.500 KVA	02	Việt nam
17	Xe tải Hino 5 Tấn	04	Nhật
18	Xe nâng TCM 3T	03	Nhật

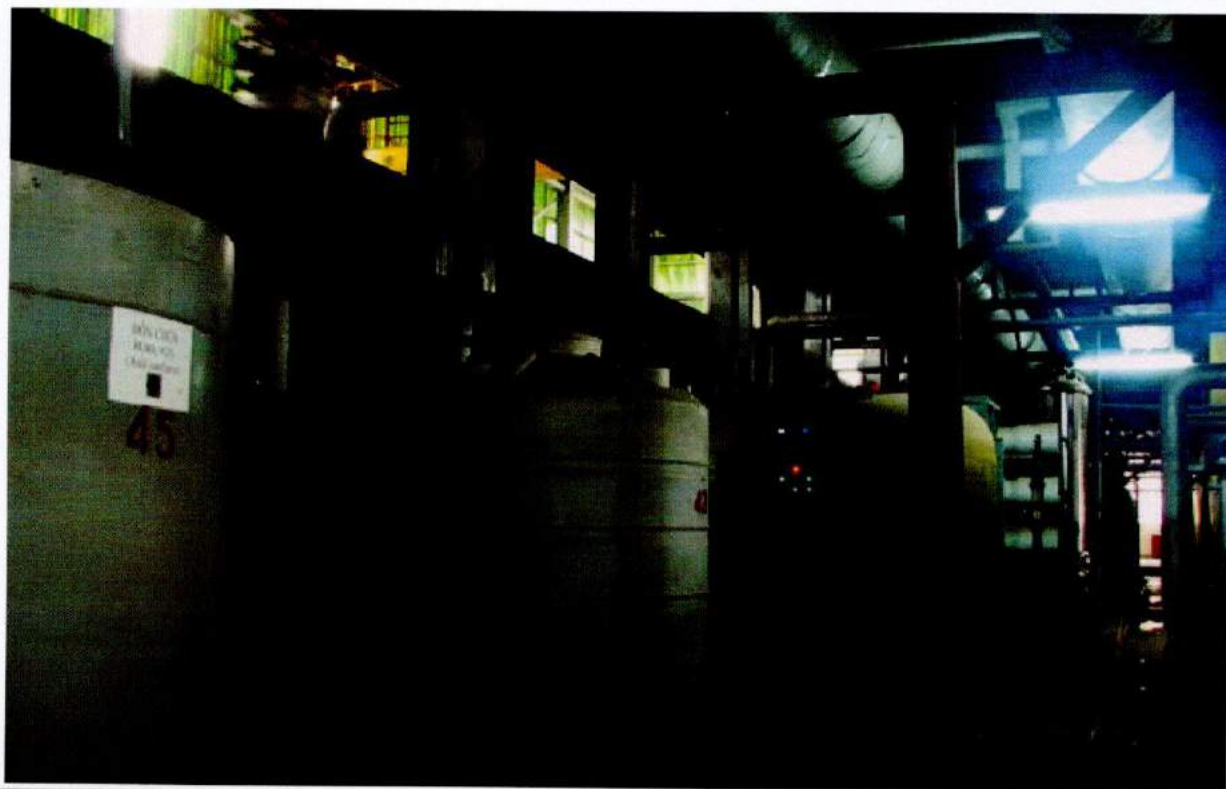
(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

Một số hình ảnh máy móc thiết bị của Công ty













Công tác bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị của Công ty được thực hiện định kỳ và theo đúng quy trình. Vì thế đã hạn chế được hỏng hóc nghiêm trọng đối với máy móc, thiết bị. Từ đó, Công ty luôn đảm bảo sử dụng được tối đa công suất của các máy móc, thiết bị vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đội ngũ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt có kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất Nhôm định hình, cùng với các trang thiết bị tiên tiến, nguồn nguyên vật liệu tốt và ổn định nên chất lượng sản phẩm của Công ty trong thời gian qua được khách hàng đánh giá rất cao và Công ty đã xây dựng được vị trí bền vững trên thị trường.

Ý thức được đầu tư, phát triển sản phẩm mới là giải pháp hàng đầu mang lại lợi ích tiềm năng lớn cho Công ty, trong các năm qua, Công ty đã không ngừng nghiên cứu cải tiến phương tiện sản xuất, chuẩn hóa phương pháp sản xuất để tăng hiệu quả, tiết kiệm chi phí sản xuất mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu để áp dụng các Công nghệ mới, kỹ thuật mới, các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Nghiên cứu các loại máy móc, trang thiết bị mới hiện đại vào quá trình sản xuất;
- Đầu tư nghiên cứu các đa dạng hóa sản phẩm dựa trên đánh giá nhu cầu tiềm năng của khách hàng.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

✓ Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng:

Công ty đang duy trì và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 theo chứng nhận số: 2015-QMS-1313 ngày 30/09/2015. Bên cạnh đó, để quản lý chất lượng sản phẩm sản xuất, Công ty còn áp dụng và ban hành một số tiêu chuẩn kỹ thuật khác như:

- Sản phẩm hàng hóa của Công ty có chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn QCVN 16/2014/BXD số: 139/2015/DNSX-VLXD do Viện vật liệu xây dựng Việt nam cấp ngày 10/06/2015.
- Sản phẩm hàng hóa của công ty có chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn số No: 24144 do Công ty TNHH GIC Việt Nam cấp ngày 11/08/2014.
- Công ty đã công bố áp dụng tiêu chuẩn TCVN 5838-1994 ÷ 5842-1994 số 01/2006/SALUMI ngày 28/03/2006 và TCXDVN 330:2004 số 02/2006/SALUMI ngày 28/03/2006 cho sản phẩm nhôm định hình **Shalumi**.
- Ghi nhãn hàng hoá, quảng cáo theo đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá số 50861 theo Quyết định sửa đổi gia hạn số 6852/QĐ-SHTT, ngày 22/02/2012 và số 92788 theo Quyết định sửa đổi gia hạn số 73261/QĐ-SHTT, ngày 25/11/2015.

✓ Tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng cho các loại sản phẩm chính:

• *Hàng sản phẩm không ANOD sau cán ép:*

- Độ cứng sản phẩm đạt 65-80HV (8 -12 vạch kim do độ cứng).
- Độ phẳng: Dùng thước căn lá, thước cặp để kiểm tra
Bề mặt $\leq 25\text{mm}$, dung sai cho phép $\leq 0.1\text{mm}$.
Bề mặt $> 25\text{mm}$, dung sai cho phép:
Sản phẩm đặc: $\leq 0.6\%$ x chiều rộng SP.

Sản phẩm rỗng: $\leq 0.8\%$ x chiều rộng SP.

- Độ cong dọc thanh: Dùng bàn đo phẳng, thước mét và thước cặp để kiểm tra.
Độ cong $\leq 6m$, dung sai cho phép $\leq 0.0003 \times Lm$ (chiều dài) tương đương 3.6mm
Độ cong $> 6m$, dung sai cho phép $\leq 0.00035 \times Lm$ (chiều dài) tương đương 4.9mm
Độ sai lệch góc, độ vắn thông thường ± 20 ; chính xác cao ± 10 .
- Độ vênh: Dùng bàn đo phẳng, thước mét và thước cặp để kiểm tra.
Bề mặt 12-40 cho phép $\pm 0.122mm$ x chiều rộng
Bề mặt 40-80 cho phép $\pm 0.087mm$ x chiều rộng
Bề mặt 80-250 cho phép $\pm 0.052mm$ x chiều rộng
- Sai lệch chiều dài cho phép + 5mm. Dùng thước mét để kiểm tra.
- Vết cào xước không được vượt quá $\pm 0.1mm$. Vạch bút chì 2B không để lại nét đứt.
- Trọng lượng thanh không được vượt quá $\pm 5\%$ trọng lượng bản vẽ.
- Bề mặt sản phẩm không bị nổ khí, rạn nứt, cháy, xước, không có vết dầu mỡ, các khuyết tật khác bằng mắt thường cách 3m phát hiện ra.

• **Hàng sản phẩm sau công đoạn ANOD - Sơn ED - Sơn tĩnh điện - Phủ phin vân gỗ:**

STT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật		
		Màu sắc	Độ dày màng anod ; màng sơn (μm)	Kích thước hình học, độ cứng
1	Anod mờ	Đồng đều	8 ÷ 12	Theo tiêu chuẩn Hàng sản phẩm không ANOD sau cán ép
2	Anod ED	Đồng đều	15 ÷ 25	
3	Sơn tĩnh điện	Đồng đều	60 ÷ 80	
4	Phin vân gỗ	Đồng đều	80 ÷ 120	

Các sản phẩm của Công ty sản xuất ra luôn được kiểm tra với quy trình thực hiện rất chặt chẽ và đảm bảo đạt yêu cầu theo các tiêu chuẩn áp dụng được công bố từ đó mới thực hiện lưu kho và chuyển hàng khách hàng.

5.8. Hoạt động Marketing

Mỗi một Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển đều phải xây dựng cho mình một thương hiệu riêng, việc xây dựng thương hiệu được xem là một trong những yếu tố để xác định được vị thế của Công ty trên thị trường và mang một sứ mệnh quan trọng hàng đầu quyết định sự thành công của Công ty. Nhận thức được điều này, ngay từ những ngày đầu thành lập, Công ty đã đầu tư xây dựng thương hiệu nhằm củng cố và phát triển vị thế của Công ty trên thị trường bằng việc ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm kinh doanh và qua công tác Marketing.

Công tác Marketing luôn được Công ty lên kế hoạch và phân bổ ngân sách phù hợp theo từng giai đoạn ngay từ đầu năm. Các hoạt động Marketing của Công ty bao gồm:

- Tổ chức các buổi gặp gỡ xúc tiến khách hàng, v.v...
- Quảng bá qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo, truyền hình, v.v...
- Xây dựng và thực hiện tốt các chiến lược tiếp thị sản phẩm, các chính sách chăm sóc khách hàng nhằm mang lại sự hài lòng cho khách hàng về những sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp, v.v...
- Đăng tải thông tin, tiêu chuẩn của từng sản phẩm và luôn làm mới các thông tin đăng tải trên website của Công ty.
- Quảng cáo thương hiệu Công ty trên thân xe, biển quảng cáo tại các đại lý và trên từng sản phẩm của Công ty.

5.9. Nhận hiệu thương mại:

🚩 *Logo:*



🚩 *Ý nghĩa Logo:*

- Quả cầu màu xanh: Là thể hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngoài hoạt động kinh doanh trong nước còn định hướng sẽ đẩy mạnh xuất khẩu ra toàn thế giới.
- Dòng chữ màu đỏ Shalumi: là thương hiệu của Công ty, màu đỏ thể hiện sự nhiệt huyết, là khát vọng, là thành công của Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng.
- Vòng tròn màu đỏ, có vạch màu xám (tượng trưng cho màu của Nhôm) mang dòng chữ SHA (tên viết tắt của Công ty) ôm trọn quả cầu thể hiện sự khát khao và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh vươn ra tầm thế giới.

Logo được thiết kế đơn giản bao gồm những khối màu sắc sắp đặt có dụng ý, được tạo bởi các mặt cắt đối xứng theo phương ngang, nơi dòng chữ SHA (tên viết tắt của Công ty) và Shalumi (thương hiệu sản phẩm) được đưa vào vị trí điểm nhấn chủ đạo.

Hiện nay các sản phẩm của Công ty đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa với các tên sau:

- Công ty đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá số 50861 theo Quyết định sửa đổi gia hạn số 6852/QĐ-SHTT, ngày 22/02/2012. Và số 92788 theo Quyết định sửa đổi gia hạn số 73261/QĐ-SHTT, ngày 25/11/2015.
- Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 92788, tên thương hiệu SONG HONG ALUMINIUM và biểu tượng quả cầu màu xanh
- Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 263843, tên thương hiệu SH-ONE

5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:

STT	Khối lượng cung cấp (tấn/năm)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cung cấp	Đối tác trong hợp đồng
1	6.600	01/01/2017 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu Thành Công
2	2.000	01/01/2016 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Công ty CP TM Thành Hiền
3	600	01/01/2017 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH Thương mại và DVTH Minh Anh

4	600	01/01/2017 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH MTV Ngọc Phòng
5	600	01/01/2016 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH Thương mại và DV Hải Xuân Tiến
6	600	01/01/2016 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH Anh Tú
7	1.200	01/01/2016 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH MTV Sơn Thọ
8	600	01/01/2016 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH Thương mại và DV Đông Hoa
9	400	01/01/2016 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH Đại Đức Tân
10	600	01/01/2017 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH Vĩnh Sơn
11	700	01/01/2017 đến 31/12/2017	Nhôm thanh định hình	Cty TNHH Thương mại Đông Quang
12	950	Năm 2017	Nhôm thanh định hình	Các khách hàng nhỏ khác
Tổng	15.450			

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

Do đặc thù sản lượng các đối tác mua hàng của Công ty thường với số lượng lớn (hàng trăm tấn trở lên) trong khi đơn giá bán được tính trên đơn vị đo lường kg nên chỉ cần có sự biến động nhẹ của đơn giá bán thì giá trị của Hợp đồng thực hiện sẽ có nhiều biến động. Do đó, các hợp đồng của

Công ty ký kết với các đối tác là hợp đồng nguyên tắc về sản lượng cho quý, năm và đơn giá thì được thực hiện theo phụ lục từng thời điểm xuất hàng.

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015, 2016 và Quý I/2017:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015	Quý I/2017
Tổng giá trị tài sản	753.642.905.348	809.282.155.848	7,38%	807.743.961.501
Vốn chủ sở hữu	94.586.843.189	232.915.240.333	146,24%	237.801.666.686
Doanh thu thuần	1.149.801.511.430	1.204.644.348.813	4,77%	221.782.071.320
Lợi nhuận thuần HDKD	8.730.017.850	13.819.607.104	58,30%	6.117.085.248
Lợi nhuận khác	294.827.438	476.126.429	61,49%	42.968.155
Lợi nhuận trước thuế	9.024.845.288	14.295.733.533	58,40%	6.160.053.403
Lợi nhuận sau thuế	7.030.122.023	11.413.635.944	62,35%	4.886.426.353
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	72,52%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	7,43%	6,97%	-	

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Năm 2016, nền kinh tế trong nước nói chung và lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng của Công ty có nhiều biến chuyển tích cực khi nhu cầu thị trường về sản phẩm Nhôm định hình của Công ty ngày càng lớn mạnh, các đơn đặt hàng với giá trị ngày càng tăng đã đặt ra yêu cầu cấp thiết của Công ty là phải đáp ứng được nguồn vốn đủ mạnh để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển Công ty. Được sự đồng thuận của Đại hội đồng cổ đông, tháng 11/2016 Công ty đã hoàn tất kế hoạch phát hành cổ phiếu hoán đổi công nợ và phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dẫn đến chỉ tiêu Tổng tài sản và Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty có mức tăng trưởng so với năm 2015.

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2016 có mức tăng 4,77% so với năm 2015. Mức tăng này nếu chỉ nhìn vào tỷ lệ tăng trưởng có thể là con số không lớn, tuy nhiên tính về giá trị doanh thu thì đây là lại một mức tăng trưởng khá khi giá trị doanh thu thuần năm 2016 tăng 54,8 tỷ đồng so với năm 2015. Việc doanh thu thuần của Công ty có mức tăng trưởng nói trên là từ nhu cầu khách hàng về các sản phẩm của Công ty từ giữa năm 2016 có sự gia tăng.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2016 có mức tăng 62,35% so với năm 2015. Việc lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt được kết quả ấn tượng này ngoài giá trị đến từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng trưởng còn đến từ việc trong năm Công ty triển khai mạnh mẽ việc cơ cấu và tổ chức lại đội ngũ nhân sự các phòng ban cũng như đội ngũ công nhân tại nhà máy dẫn tới chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2016 giảm 1,2 tỷ đồng so với năm 2015. Bên cạnh đó mức thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty năm 2016 là 20% trong khi mức thuế suất này áp dụng trong năm 2015 là 22%.

Tiếp đà thuận lợi từ nhu cầu về nguồn hàng sản phẩm của Công ty cùng với đó là nội lực ngày càng tăng đã giúp công ty có kết quả tốt cho Công ty trong Quý I/2017, trong đó: Doanh thu thuần của Công ty đạt 221,7 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế đạt 4,8 tỷ đồng.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016

✓ Những nhân tố thuận lợi:

- Chính sách Nhà nước: Trong những năm vừa qua và nhận định những năm tiếp theo, Chính phủ sẽ tiếp tục đưa ra những chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường tối đa đối với lĩnh vực ngành sản xuất Nhôm - Thép, thông qua việc rà soát để

sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện về nguồn vốn cho các Doanh nghiệp đủ tiêu chí quy định, v.v...

- Nguồn lực sản xuất: Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Công ty ổn định, với các hợp đồng ký kết đang thực hiện có giá trị lớn. Trong thời gian tới, Công ty sẽ mở rộng sản xuất về quy mô, nâng cao năng lực sản phẩm để có thể khai thác được tối đa lợi thế có sẵn và định hướng đẩy mạnh xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.
- Nguồn lực con người: Với đội ngũ CBNV tận tâm, trình độ chuyên môn và tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có uy tín và kinh nghiệm lâu năm trong các lĩnh vực liên quan, Công ty hoàn toàn có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.
- Năng lực máy móc thiết bị: Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện đầu tư mở rộng thêm 01 hệ thống dây chuyền đúc Nhôm, 04 máy Cán ép, 01 hệ thống dây chuyền Anod, 02 hệ thống dây chuyền Sơn tĩnh điện và phủ phin vân gỗ, song song với việc cải tạo dây chuyền cán ép cũ: nâng cấp sản nguội máy Cán ép, lò ủ phôi nhiều cây cắt nóng, lò đúc Nhôm cây Billet, v.v...

Hiện nay năng lực sản xuất của Công ty có thể sản xuất được 17.000 tấn sản phẩm Nhôm thanh định hình trên một năm với các chủng loại, mẫu mã đa dạng, màu sắc phong phú, như: Nhôm Anod, Sơn ED, Sơn tĩnh điện, Nhôm phủ phin Vân gỗ, v.v...

✓ **Những nhân tố khó khăn:**

- Sự bất ổn của các thể chế kinh tế lớn trên thế giới: Cuộc khủng hoảng nợ công của một số nước Châu Âu và sự bất ổn của nền kinh tế Trung Quốc thời gian vừa qua cũng gây nên những bất ổn nhất định đối với kinh tế toàn cầu, qua đó trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới các Doanh nghiệp trong và ngoài nước là khách hàng của Công ty.
- Tình hình khó khăn của nền Kinh tế Việt Nam: Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế toàn cầu, nền kinh tế của Việt Nam phải đối đầu với những khó khăn về lạm phát, lãi suất, tỷ giá, v.v... gây tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khác trong nước và Công ty.

Bên cạnh đó sản phẩm sản xuất kinh doanh chính của Công ty được sử dụng nhiều trong lĩnh vực Xây dựng và lĩnh vực này hiện đang lâm vào tình trạng bất ổn do ảnh hưởng của tình hình thị trường, kéo theo hoạt động kinh doanh của Công ty cũng ảnh hưởng do sản phẩm tạo ra không tiêu thụ được vì nhiều dự án lớn đều hoãn khởi công hoặc chi triển khai chậm chùng.

- Rủi ro về địa hình, địa lý: Phú Thọ là một tỉnh trung du miền núi phía Bắc nằm cách xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, xa cảng biển, hạ tầng giao thông - vận tải còn nhiều hạn chế nhất là vào thời điểm hiện nay giá nguyên, nhiên liệu đầu vào tăng cao dẫn đến chi phí vận chuyển cũng như chi phí sản xuất tăng cao.
- Sự cạnh tranh diễn ra quyết liệt giữa các Doanh nghiệp trong cùng ngành nghề, nhất là với các doanh nghiệp có vốn đầu tư FDI.

7. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Trong những năm vừa qua, Công ty đã được nhiều thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh, luôn tạo được sự tin tưởng và uy tín cho các khách hàng. Doanh thu hàng năm của Công ty luôn có sự tăng trưởng và luôn đạt con số trên 1.000 tỷ đồng/năm.

Hệ thống dây chuyền sản xuất, trang thiết bị được đầu tư hiện đại và đồng bộ tạo thành một hệ thống sản xuất khép kín từ việc xử lý nguyên vật liệu đầu vào cho đến khi ra sản phẩm. Việc vận hành và sửa chữa các máy móc thiết bị sản xuất do chính các cán bộ kỹ thuật có kiến thức và tay nghề đảm nhận đã làm giảm thiểu chi phí sửa chữa thuê ngoài cho Công ty, đồng thời đảm bảo quy trình vận hành và bảo dưỡng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của từng máy móc thiết bị.

Trong hoạt động huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh từ nguồn vốn Ngân hàng, Công ty luôn được đánh giá là doanh nghiệp có uy tín và được các tổ chức tín dụng, ngân hàng chấp thuận hỗ trợ nguồn vốn khi cần thiết.

Với kinh nghiệm hoạt động đã đạt được trong hơn 17 năm qua và cùng với đó là các mối quan hệ sẵn có bên cạnh nội lực cạnh tranh dồi dào sẽ là tiền đề để Công ty phát triển vững mạnh hơn nữa trong thời gian tới.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Nhôm và các sản phẩm nhôm là loại vật liệu chiến lược không thể thiếu không chỉ của ngành Công nghiệp, Xây dựng mà của cả lĩnh vực dân dụng và quốc phòng, là loại vật liệu có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy, ngành nhôm và các sản phẩm từ nhôm luôn được Nhà nước xác định là ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Sự tăng trưởng của ngành nhôm và các sản phẩm từ nhôm được gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Trong suốt năm 2016 và những tháng đầu năm 2017, thị trường nhà đất cũng như thị trường xây dựng tại Việt Nam đang ảm đạm trở lại, các dự án trước đây tạm dừng cùng các dự án mới đang được triển khai thi công. Đây là dấu hiệu tốt cho sự phát triển thị trường vật liệu xây dựng trong đó có nhôm thanh định hình. Theo đại diện của Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam (VAMI) cho hay: “Từ những số liệu của chúng tôi cho thấy tiêu thụ nhôm tại Việt Nam đã tăng trưởng từ 15% đến 20% hàng năm”. VAMI cũng cho rằng nhôm là một trong các kim loại đang được quan tâm hàng đầu bởi “nhôm đang được sử dụng trong các cao ốc, ngoại thất cũng như nội thất”.

VAMI cũng đánh giá về khả năng cung ứng các sản phẩm nhôm thanh định hình của các nhà cung cấp Việt Nam là khá lạc quan. Nhu cầu về tổng thể thị trường cao dẫn tới việc các sản phẩm nhôm trong nước có đầu ra tốt. Với việc có nguồn cung ổn định, với mức giá mềm hơn, ngành nhôm xây dựng mà tiêu biểu là nhôm thanh định hình đang nhận được sự tin tưởng của các đơn vị xây dựng so với việc sử dụng các sản phẩm nhập khẩu cùng loại từ nước ngoài.

Bên cạnh thị trường mở rộng, Chính phủ đã lên một kế hoạch dài hạn tới năm 2025 nhằm hỗ trợ các dự án cơ khí và xây dựng cơ sở hạ tầng có trị giá lên tới 289 tỷ USD cùng với đó là nguồn nguyên liệu cho ngành sản xuất nhôm cũng được đảm bảo bởi những dự án nhôm lớn trong nước cũng như việc thuế nhập khẩu nhôm nguyên liệu đã ở mức 2% đang giúp ngành nhôm đứng trước cơ hội phát triển hơn bao giờ hết.

Với sự phát triển ngày càng lớn của Việt Nam trong những năm qua và đòi hỏi sự gia tăng mạnh mẽ hơn nữa trong những năm tới, thì nhu cầu sử dụng nhôm thanh định hình trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp, v.v... là rất lớn. Điều này đảm bảo triển vọng phát triển vô cùng to lớn cho các Doanh nghiệp cùng ngành nhôm nói chung và Công ty nói riêng trong tương lai.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:

Khi nền kinh tế bước qua khủng hoảng, nhu cầu về xây dựng, sản xuất công nghiệp, v.v... lại tăng trưởng mạnh mẽ kéo theo nhu cầu sử dụng Nhôm thanh định hình ngày càng lớn, đồng thời với những lợi thế về kinh nghiệm, thương hiệu của Công ty đã có được trong hơn 17 năm thành lập và phát triển thì đó là nền tảng to lớn để Công ty vững tin vào định hướng chiến lược mà Ban lãnh đạo đã đề ra. Tuy nhiên, lợi thế là vậy nhưng các Công ty hoạt động trong ngành Nhôm thanh định hình chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà Nước như định hướng phát triển ngành Nhôm, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, v.v... Thêm vào đó, chi phí sản xuất phụ thuộc rất nhiều vào giá cả của nguyên vật liệu đầu vào và các nguyên vật liệu đầu vào trong những năm gần đây liên tục biến động sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh nếu không có kế hoạch dài hạn trong việc dự trữ nguyên liệu hợp lý. Đứng trước tình hình trên Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới như:

- Nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững, gia tăng giá trị cổ phần Công ty.
- Xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại.
- Xây dựng phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước.
- Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để giảm thiểu chi phí sửa chữa, đa dạng hóa, nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm.
- Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của CBCNV và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng xã hội.

8. Chính sách đối với người lao động:

8.1. Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/04/2017 là 545 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn	545	100

- Trên đại học	3	0,55
- Đại học	57	10,46
- Cao đẳng, Trung cấp	84	15,41
- Khác	401	73,58
Phân theo thời hạn hợp đồng	545	100
- LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ	1	0,18
- LĐ dài hạn	537	98,54
- LĐ ngắn hạn dưới 1 năm	7	1,28

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

8.2. Chính sách đối với người lao động

Chính sách đối với người lao động của Công ty được áp dụng theo chuẩn mực của Bộ luật lao động. Các nội dung được thể hiện trong thỏa ước lao động của Công ty đã thể hiện chính sách ưu đãi cho người lao động, trong đó các chế độ như: Chế độ lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, an toàn lao động, v.v... được quan tâm thực hiện tốt.

➤ Chính sách đào tạo:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước, v.v...

➤ **Chế độ làm việc:**

- Công ty tổ chức làm việc 08 tiếng/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần. Thời gian bắt đầu làm việc là 7h30 và kết thúc là 05h00, thời gian nghỉ trưa là 1,5 tiếng từ 11h30 đến 13h00.
- Khi có yêu cầu công việc, người lao động có thể đăng ký làm thêm giờ nhưng không quá 4 tiếng/ngày hoặc 200 tiếng/năm phù hợp với Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể.
- Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty, Công ty tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

➤ **Chính sách lương:**

Công ty trả lương cho người lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của mỗi nhân viên. Bên cạnh đó, trường hợp người lao động làm thêm giờ, Công ty cũng thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật lao động đã ban hành.

Thu nhập bình quân của CBCNV năm 2016 là:

Đơn vị tính: Đồng/người/năm

Phân loại	Năm 2016
Khối văn phòng	6.000.000
Công nhân	5.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

➤ **Chính sách thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu

quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Bộ Luật lao động và Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho CBCNV. Do hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động.

Vào các ngày lễ, tết, v.v... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

8.3. Chính sách trả cổ tức:

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Năm 2016 Công ty thực hiện chi trả cổ tức 4% theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Công ty dự kiến sẽ thực hiện chi trả trong Quý 3/2017.

9. Tình hình hoạt động tài chính:

Các chỉ tiêu cơ bản

✚ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian</u>
Tài sản cố định hữu hình	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30 năm
- Máy móc thiết bị	04 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

✚ Mức lương bình quân:

Chỉ tiêu	Năm 2016
Lương bình quân của lao động trực tiếp (đồng/người/tháng)	5.000.000
Lương bình quân của khối hành chính (đồng/người/tháng)	6.000.000

(Nguồn Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

Công ty luôn đảm bảo trả lương đúng hạn, đầy đủ cho cán bộ công nhân viên. Mức lương bình quân của Công ty được đánh giá tương đối cao so với mức lương bình quân trong ngành.

✚ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ đúng hạn.

✚ Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn nỗ lực nộp đầy đủ các khoản thuế theo quy định, cụ thể:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
Thuế giá trị gia tăng	149.480.330	148.487.736	145.748.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.265.697.425	2.582.097.589	1.055.724.639
Thuế thu nhập cá nhân	232.976.634	455.888.272	60.946.895
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	428.878.625	-	-
Cộng	2.077.033.014	3.186.473.597	1.262.419.618

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

✚ Trích lập các quỹ theo luật định:

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, điều lệ Công ty, các văn bản quy định hiện hành và do ĐHĐCĐ quyết định.

Trích lập các quỹ trong năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2016
Quỹ Đầu tư Phát triển	1.000.000.000

Quỹ Khen Thưởng, phúc lợi	1.736.261.144
Quỹ Dự phòng Tài chính	400.000.000
Cộng	3.136.261.144

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017)

✚ Số dư các Quỹ của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 31/03/2017:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
Quỹ Đầu tư phát triển	7.556.721.166	11.586.843.189	11.586.843.189
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	507.623.391	503.967.391	459.967.391
Cộng	8.064.344.557	12.090.810.580	12.046.810.580

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC quý I/2017 của Công ty)

✚ Tổng dư nợ vay:

Đơn vị tính: VND

Đối tượng cho vay	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	419.897.414.859	419.291.979.722	444.521.339.867
Vay Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Phú Thọ (1)	171.383.663.790	165.375.133.579	187.917.032.304
Vay Ngân hàng ViettinBank – Chi nhánh Đền Hùng (2)	121.515.601.018	129.957.326.016	129.997.679.173
Vay Ngân hàng MBBanks – Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	46.741.427.404	49.928.433.663	42.161.691.269

Vay Ngân hàng SHB – Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	5.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Vay Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Việt Trì (5)	63.896.830.442	64.691.194.259	69.971.153.666
Vay đối tượng khác (6)	11.359.892.205	5.339.892.205	10.473.783.455
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	115.515.592.014	44.744.928.592	36.852.709.262
Vay Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Hà Nội (7)	2.252.000.000	7.455.938.831	6.553.719.500
Vay Ngân hàng ViettinBank – Chi nhánh Đền Hùng (8)	38.000.000.000	26.000.000.000	20.000.000.000
Vay Ngân hàng MBBank – Chi nhánh Vĩnh Phúc (9)	7.676.381.763	4.416.381.763	3.601.381.763
Vay đối tượng khác (10)	67.587.210.251	6.872.607.998	6.697.607.999
Cộng	535.413.006.873	464.036.908.314	481.374.049.129

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty trong các năm qua bao gồm các khoản vay ngân hàng và vay cá nhân (là cán bộ công nhân viên của Công ty). Cụ thể:

✓ **Vay tổ chức tín dụng Ngân hàng:**

Các khoản vay tổ chức tín dụng ngân hàng bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, trong đó các khoản vay ngắn hạn chiếm trên 90% tổng dư nợ vay. Lãi suất các khoản vay được áp dụng cho từng thời kỳ theo mức lãi suất áp dụng của từng Ngân hàng.

Các tổ chức tín dụng ngân hàng cho Công ty vay vốn trong những năm vừa qua đều là những ngân hàng lớn trong nước như: Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân Đội, v.v... Để đáp ứng được điều kiện vay vốn của các Ngân hàng này, trong những năm qua hoạt động sản

xuất kinh doanh của Công ty luôn đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững cùng với đó là thời hạn thanh toán luôn được đảm bảo đúng thời hạn.

✓ **Vay vốn từ các cá nhân:**

Đây là các khoản vay vốn ngắn hạn và dài hạn của Công ty với cán bộ công nhân viên. Các khoản vay này chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng giá trị các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty, tại 31/12/2016 chiếm tỷ lệ 2,63%, tại 31/3/2017 chiếm tỷ lệ 3,54%.

Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện theo Quy chế số 150 ngày 31/08/2014 của Công ty. Theo đó, Công ty kêu gọi các cán bộ công nhân viên cho Công ty vay với lãi suất áp dụng từ 2%/năm đến 6%/năm tùy theo từng kỳ hạn và được ưu đãi tính lãi suất đối với các trường hợp rút trước hạn.

Khoản vay dài hạn lãi suất áp dụng được điều chỉnh hàng tháng phù hợp với lãi suất do ngân hàng thương mại ban hành.

✚ **Tình hình công nợ hiện nay:**

Một số chỉ tiêu về số nợ phải thu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
Phải thu ngắn hạn	150.696.281.813	204.507.563.395	199.821.314.520
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	124.387.174.934	174.675.555.528	159.248.763.876
Trả trước cho người bán ngắn hạn	261.611.676	25.529.030.634	33.478.770.800
Phải thu về cho vay ngắn hạn	15.303.858.185	-	2.305.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	11.078.562.160	4.637.902.375	5.123.704.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(334.925.142)	(334.925.142)	(334.925.142)
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	150.696.281.813	204.507.563.395	199.821.314.520

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán trong năm 2016 và Quý I/2017 tăng cao hơn so với năm 2015. Có sự biến động này do từ giữa năm 2016, để đáp ứng được nhu cầu càng gia tăng của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty, Công ty đã tăng sản lượng hàng hóa sản xuất, dẫn đến các công nợ về phải thu khách hàng ngắn hạn và trả trước người bán gia tăng. Trong đó:

- *Khoản phải thu khách hàng:* Số dư khoản phải thu khách hàng của Công ty tại thời điểm 31/03/2017 là 159.248.763.876 đồng. Tính đến thời điểm ngày 15/06/2017 thì số công nợ này đã được thanh toán là 129.948.120.286 đồng, còn lại 29.300.643.590 đồng chưa đến thời hạn thanh toán. Các khách hàng này đều là những khách hàng lâu năm, có năng lực tài chính lành mạnh, là các khách hàng giao dịch thường xuyên với Công ty và chưa phát sinh các khoản nợ xấu trong những năm qua với Công ty. Do đó, Công ty khẳng định các khoản phải thu này sẽ được thu hồi đầy đủ và không phát sinh nợ khó đòi.
- *Khoản trả trước người bán:* Số dư trả trước cho người bán tại thời điểm 31/3/2017 là 33.478.770.800 đồng. Đây là các khoản liên quan đến việc Công ty đặt cọc tiền mua máy móc thiết bị, nguyên vật liệu cho đối tác. Trong đó có một số khoản có giá trị lớn như, khoản trả trước cho CTCP Đầu tư Xây dựng Thương mại và Dịch vụ An Phú (số dư 4.918.967.400 đồng, là số tiền Công ty đặt cọc để mua nhôm Bilet, tổng trị giá Hợp đồng là 10,442.823.600 đồng), CTCP Vận tải và TM Protraco (số dư 20.000.000.000 đồng, là số tiền mà Công ty đặt cọc để mua máy móc thiết bị cho dây chuyền cán ép 1800T. Tổng giá trị Hợp đồng là 59.444.880.000 đồng), CTCP TM Xuất nhập khẩu & SX Thái An (Số dư 6.409.999.000 đồng, là số tiền Công ty đặt cọc để mua máy móc thiết bị cho dây chuyền sản xuất nhôm sơn tĩnh điện 5000T, hợp đồng có tổng giá trị 17.256.360.000 đồng).

Công ty sẽ thanh toán số tiền còn lại cho bên bán sau khi máy móc thiết bị được bàn giao, nghiệm thu. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán máy móc, hiện tại chưa đến thời gian giao hàng.

✦ Một số chỉ tiêu về các khoản phải trả

Đơn vị tính: VND

Các khoản phải trả	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
--------------------	------------	------------	------------

Nợ ngắn hạn	543.540.470.145	531.621.986.923	533.089.585.553
Phải trả người bán ngắn hạn	106.225.708.756	97.110.549.188	77.499.509.750
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.225.746.767	2.186.726.244	2.837.851.857
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.077.033.014	3.186.473.597	1.262.419.618
Phải trả người lao động	2.312.133.307	4.870.894.238	1.889.705.464
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.891.724.917	2.037.148.685	1.201.580.543
Phải trả ngắn hạn khác	2.403.085.134	2.434.247.858	3.417.211.063
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	419.897.414.859	419.291.979.722	444.521.339.867
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	507.623.391	503.967.391	459.967.391
Nợ dài hạn	115.515.592.014	44.744.928.592	36.852.709.262
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	115.515.592.014	44.744.928.592	36.852.709.262

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Số dư khoản phải trả khách hàng của Công ty tại thời điểm 31/03/2017 là 77.499.509.750 đồng. Đây là các khoản phải trả liên quan đến mua nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Trong đó có các khách hàng lớn như: Nanning Yong Hou Feng Import & Export trade (8.941.524.544 đồng), Great Class Pacific Eng Ravers (32.357.056.689 đồng), Công ty TNHH SX & TM Nguyễn Minh Sơn (3.345.214.950 đồng).

Tính đến thời điểm ngày 15/06/2017 thì số công nợ này đã được thanh toán là 61.141.251.252 đồng, còn lại 16.358.258.498 đồng chưa đến thời hạn thanh toán.

Các chỉ tiêu về khoản phải trả của Công ty trong Quý I/2017 không có sự biến động nhiều so với năm 2016.

📌 Hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/ 2015	31/12/2016	31/03/2017
Hàng tồn kho	361.246.210.697	339.660.702.184	367.109.699.050

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Chi tiết hàng tồn kho của Công ty tại 31/12/2016 và 31/03/2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/03/2017
- Nguyên liệu, vật liệu	92.151.928.322	95.003.600.613
- Công cụ dụng cụ	21.748.025.666	20.957.086.360
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.152.828.791	44.374.513.835
- Thành phẩm tại kho Công ty	181.846.450.803	200.262.385.229
- Thành phẩm tại kho Chi nhánh	4.761.468.602	6.512.113.013
Tổng	339.660.702.184	367.109.699.050

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Về mặt đặc thù sản phẩm của Công ty là Nhôm định hình và nguyên liệu vật liệu tập trung là phôi nhôm, cụ thể:

- Thành phẩm: bao gồm các sản phẩm nhôm Anod (27,8 tỷ), Nhôm AED (34,6 tỷ), Nhôm Sơn tĩnh điện – Vân gỗ (141,8 tỷ) và hàng xuất khẩu (2,4 tỷ đồng)
- Nguyên liệu, vật liệu: bao gồm Nhôm thỏi (4,0 tỷ), Nhôm Bilet (76,4 tỷ), Nhôm thô (1,8 tỷ), Băng keo (1,7 tỷ), Sơn các loại (2,4 tỷ) và còn lại là các nguyên liệu khác phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm Phôi đúc (14,7 tỷ), sản phẩm hàng không Anod (15,3 tỷ), sản phẩm oxy hóa (2,7 tỷ đồng), sản phẩm mạ Crom (1,6 tỷ), sản phẩm Sơn tĩnh điện – Vân gỗ (2,1 tỷ), hàng xuất khẩu (5,6 tỷ) còn lại là hóa chất, phế phẩm.

- Công cụ dụng cụ: Tập trung chủ yếu là Khuôn nhôm các loại (19,4 tỷ) còn lại là các công cụ dụng cụ khác như đồ bảo hộ lao động, vật tư dùng cho máy cán ép, v.v...

Về mặt bản chất hóa học thì Nhôm nguyên chất khi đặt trong môi trường không khí sẽ tác dụng với Oxy tạo thành 1 lớp o xít nhôm rất mỏng trên bề mặt (Al_2O_3). Cùng với đó, các nguyên liệu của Công ty khi đưa vào dây chuyền sản xuất sản phẩm lại được xử lý qua khâu Oxy hóa bề mặt thêm lần nữa để lớp o xít nhôm được bền vững hơn, lớp o xít nhôm mỏng này có tác dụng ngăn ngừa không cho Oxy hóa tiếp các mặt trong nữa. Do đó, các sản phẩm hay nguyên liệu của Công ty được xem là khó bị Oxy hóa và hỏng hóc.

Bên cạnh đó, hàng tồn kho của Công ty được tích trữ theo nhu cầu của thị trường, cũng như theo kế hoạch bán hàng cho các hợp đồng đã ký kết, cùng với đó vòng quay hàng tồn kho của Công ty trong những năm qua luôn đạt hệ số trên 3 lần, cho thấy sự luân chuyển liên tục của hàng tồn kho của Công ty và tại thời điểm 31/12/2016, giá bán không thấp hơn giá ghi sổ. Chính vì những lý do trên mà Công ty đánh giá không cần phải trích lập dự phòng cho hàng tồn kho.

📌 Đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	750.000.000	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	1.483.600.000	1.483.600.000	1.483.600.000
Tổng cộng	2.233.600.000	1.483.600.000	1.483.600.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC quý I/2017)

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác với giá trị 750.000.000 đồng tại thời điểm 31/12/2015, đây là số tiền Công ty đầu tư góp vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng. Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này với giá bán bằng giá đầu tư là 750.000.000 đồng.

Số dư khoản Đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31/03/2017 là: 1.483.600.000 đồng, đây là khoản Công ty đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng 26, hiện tại Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,00	1,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,33	0,48
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,87	0,71
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	6,97	2,47
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,99	3,23
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,53	1,54
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,61	0,95
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,43	6,97
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,93	1,46
Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,76	1,15

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty)

11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**11.1. Danh sách:****Danh sách Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Minh Kế	Chủ tịch HĐQT
2	Đào Vịnh Long	Thành viên
3	Phạm Anh Tài	Thành viên
4	Đỗ Thị Thanh Tùng	Thành viên
5	Lê Văn Thắng	Thành viên

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Khiêm	Trưởng ban
2	Lê Minh Tiến	Thành viên
3	Lưu Đức Giang	Thành viên

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Minh Kế	Tổng Giám đốc
2	Đào Vịnh Long	Phó Tổng Giám đốc
3	Đỗ Thị Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

4	Phan Tiến Hòa	Phó Tổng Giám đốc
---	---------------	-------------------

Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng

11.2. Sơ yếu lý lịch HĐQT, BGD, BKS, Kế toán trưởng:**❖ Hội đồng quản trị:****👉 Ông Nguyễn Minh Kế – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và Tên: *Nguyễn Minh Kế*
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/02/1955
- Nơi sinh: Xuân Hòa – Vũ Thư – Thái Bình
- CMND: Số 012720001 cấp ngày 30/06/2004 CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xuân Hòa – Vũ Thư – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 02103862717
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

- Quá trình Công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị Công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
○ Từ 1977 – 1980	Công ty Than Uông Bí – Quảng Ninh	Nhân viên
○ Từ 1980 – 1984	Bộ đội F323	Thiếu Úy
○ Từ 1984 – 1993	Trường công nhân Kỹ thuật Việt Xô số 1	Cán bộ
○ Từ 1993 – 2004	Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng	Phó Giám đốc
○ Từ 2004 – nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 4.697.290 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 22,7%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 4.697.290 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 22,7%
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Theo quy định

Ông Đào Vịnh Long – Thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và Tên: **Đào Vịnh Long**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/08/1970
- Nơi sinh: Thị xã Hồng Gai – Quảng Ninh
- CMND: Số 131012699 cấp ngày 14/01/2017 C.A Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tam Hiệp – Phúc Thọ - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Gia Cẩm – Việt Trì – Phú Thọ
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 02103862005
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
○ Từ 10/1987 – 07/2000	Công ty Đường Rượu Bia Việt Trì	Nhân viên
○ Từ 08/2000 – 11/2004	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	T.P Kinh doanh
○ Từ 12/2004 – nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Phó Tổng giám đốc

o Từ 10/2004 – nay	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên HĐQT
--------------------	--------------------------------	-----------------

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 921.930 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 4,45%
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 921.930 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 114.404 cổ phần (Vợ), tương ứng tỷ lệ 0,55%.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Theo quy định

👤 Ông Phạm Anh Tài – Thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và Tên: **Phạm Anh Tài**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/08/1951
- Nơi sinh: Xã Phù Hóa - Quảng Trạch - Quảng Bình
- CMND: Số 013004421 cấp ngày 06/09/2007 do CA TP. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Phù Hóa - Quảng Trạch - Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 5 ngách 12 - Ngõ 120 - Trường Chinh – Đống Đa – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 02103 862 644
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình Công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị Công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
○ Từ: 1976 ÷ 1980	Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng	Kỹ sư xây dựng
○ Từ: 1981 ÷ 1984	Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng	Trưởng phòng kỹ thuật
○ Từ: 1985 ÷ 1990	Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng	Trưởng phòng kế hoạch
○ Từ: 1991 ÷ 1994	Công ty Xuất nhập khẩu thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng	Phó giám đốc Công ty
○ Từ: 1995 ÷ 1999	Văn phòng đại diện của Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng tại Hà Nội	Giám đốc
○ Từ: 2000 ÷ 2004	Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng	Phó tổng giám đốc
○ Từ: 2005 ÷ 2006	Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng	Tổng giám đốc
○ Từ: 2007 ÷ 2008	Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị

o Từ 4/2017 - nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên HĐQT
-------------------	--------------------------------	-----------------

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 965.137 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 4,66%
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 965.137 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Theo quy định

✚ Bà Đỗ Thị Thanh Tùng – Thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và Tên: **Đỗ Thị Thanh Tùng**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1964
- Nơi sinh: Phú Cường – Ba Vì – Hà Nội
- CMND: Số 130835793 cấp ngày 26/04/2008 tại C.A Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Phú Cường – Ba Vi – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phố Gát - phường Thọ Sơn – Việt Trì – Phú Thọ
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 0210 3862742
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình Công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị Công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
o Từ 1985 – 02/1998	Công ty Hóa chất Việt Trì	Nhân viên
o Từ 3/1998– 7/2004:	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Nhân viên Kế toán
o Từ 8/2004 – 11/2004	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Phó phòng Tài chính Kế toán
- Từ 12/2004 – nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Kế toán trưởng
- Từ 05/2007 - Nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng
- Từ 12/2013 - nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc – Kế toán trưởng

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc – Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 831.634 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 4,01%

- o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- o Cá nhân sở hữu: 831.634 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Theo quy định

✦ Ông Lê Văn Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và Tên: **Lê Văn Thắng**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/04/1973
- Nơi sinh: Xã Mai Tùng – Hạ Hòa – Phú Thọ
- CMND: Số 131060960 cấp ngày 04/05/2006 tại C.A Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Mai Tùng – Hạ Hòa – Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Số 25 – Kim Đồng – Gia Cẩm – Việt Trì – Phú Thọ
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 0210 3862175
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình Công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị Công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
○ Từ 1994 – 1996	Khu di tích lịch sử Đền Hùng	Nhân viên phòng quản lý di tích
○ Từ 1996 – 1997	Công ty cổ phần CMC – Phú Thọ	Nhân viên phòng kỹ thuật
○ Từ 1997 - 2003	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Nhân viên phòng kỹ thuật
○ Từ 2004 – 2012	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Quản đốc phân xưởng Oxy hóa
○ Từ 2004 – 4/2015	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên BKS
○ Từ 2013- 4/2015	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Trưởng phòng Kinh doanh
○ Từ 4/2015 - Nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên HĐQT

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 614.152 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 2,96%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 614.152 cổ phần

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Theo quy định

❖ **Ban Kiểm soát:**

🌟 **Ông Nguyễn Văn Khiêm – Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và Tên: *Nguyễn Văn Khiêm*
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/06/1976
- Nơi sinh: Xã Đông Tảo– Huyện Khoái Châu – Tỉnh Hưng Yên
- CMND: Số 132081482 cấp ngày 17/12/2007 C.A Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đông Tảo– Huyện Khoái Châu – Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Khu 1 – Phường Thanh Miếu – Việt Trì – Phú Thọ
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 02103862644
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
o Từ 1998 – Nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Phó Quản Đốc phân xưởng
o Từ 4/2017 - Nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Trưởng ban Kiểm soát - Phó Quản Đốc phân xưởng
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 21.462 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0,1%
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 21.462 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Theo quy định

✚ Ông Lê Minh Tiến – Thành viên Ban kiểm soát:

- Họ và Tên: **Lê Minh Tiến**
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1972
- Nơi sinh: Xã Phú Lộc- Huyện Phù Ninh – Tỉnh Phú Thọ
- CMND: Số 131005807 cấp ngày 26-7-2010 C.A Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Phú Lộc- Huyện Phù Ninh – Tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: K5-Xã Phú Lộc- Huyện Phù Ninh – Tỉnh Phú Thọ
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 02103862744
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình Công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị Công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
o Từ 1994 – 1997	CTy XD hạ tầng kỹ thuật	Công Nhân
o Từ 9/1997 – 11/1997	Học CN SX Nhôm Côn Minh- TQ	Bồi huấn viên
o Từ 11/1997 – 2005	Công nhân Cty CP nhôm Sông Hồng	Công nhân
o Từ 2005 – 2008	Công ty CP Nhôm Sông Hồng	Trưởng ca sản xuất
o Từ 2008- 2013	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	P. Quản đốc
o Từ 2013 - Nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Quản đốc Phân xưởng

o Từ 4/2017 – Nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên Ban kiểm soát
-------------------	--------------------------------	--------------------------

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Quản đốc Phân xưởng – Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 155.818 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0,75%
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 155.818 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Theo quy định

🚩 Ông Lưu Đức Giang – Thành viên Ban kiểm soát:

- Họ và Tên: **Lưu Đức Giang**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/05/1979
- Nơi sinh: Trấn Yên – Hoàng Liên Sơn
- CMND: Số 131361591 cấp ngày 16/06/2012 tại C.A Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phương Lĩnh – Thanh Ba – Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5 – Khu Bình Hải – Xã Trung Vương – T.p Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 0210 3862 744
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Quá trình Công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị Công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
○ 7/2002 – 10/2004	Công ty Nhôm Sông Hồng	Nhân viên
○ 10/2004 – nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Phó phòng kỹ thuật Công nghệ
○ Từ 2004 – nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Thành viên Ban Kiểm soát – Phó phòng kỹ thuật Công nghệ
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 315.178 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 1,52%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 315.178 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Theo quy định

❖ **Ban Tổng giám đốc:**

- 👉 Ông Nguyễn Minh Kế – Tổng Giám đốc: Như trên
- 👉 Ông Đào Vĩnh Long – Phó Tổng Giám đốc: Như trên
- 👉 Bà Đỗ Thị Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc: Như trên

👉 Ông Phan Tiến Hòa:

- Họ và Tên: **Phan Tiến Hòa**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/08/1968
- Nơi sinh: Xã Tiên Kiên – Huyện Lâm Thao – Tỉnh Phú Thọ
- CMND: Số 130941701 cấp ngày 04/05/2006 C.A Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tiên Kiên – Huyện Lâm Thao – Tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Khu 14 – Phường Gia Cẩm – Việt Trì – Phú Thọ
- Số ĐT liên lạc ở Cơ quan: 02103862744
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa

- Quá trình Công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị Công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
○ Từ 1992 – 1993	XNLH Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công nhân kỹ thuật
○ Từ 1993 – 1996	Sinh viên trường ĐHBK Hà Nội	Sinh viên
○ Từ 1996 – 1998	Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Kỹ thuật viên Nhà máy
○ Từ 1998 – 1999	Giáo viên trường Đào tạo nghề Giấy Bãi Bằng – Phú Thọ	Giáo viên Công nghệ
○ Từ 2004 – 2015	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
○ Từ 6/2015 – 4/2017	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Thành viên HĐQT
○ Từ 2015 – nay	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 334.540 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 1,61%

○ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

○ Cá nhân sở hữu: 334.540 cổ phần

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

❖ **Kế toán trưởng:**

👉 **Bà Đỗ Thị Thanh Tùng:** Như trên

12. Tài sản:

👉 **Tình hình tài sản Công ty tại ngày 31/12/2016 và 31/03/2017:**

- **Tài sản cố định hữu hình và vô hình:**

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	313.078.213.420	114.871.336.019	198.206.877.401
Nhà cửa vật kiến trúc	76.050.273.045	20.592.273.817	55.457.999.228
Máy móc, thiết bị	232.045.361.322	90.093.409.613	141.951.951.709
Phương tiện vận tải	4.761.656.689	3.964.730.225	796.926.464
Thiết bị DC quản lý	220.922.364	220.922.364	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty)

Tại ngày 31/03/2017

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	313.615.213.420	118.438.138.188	195.177.075.232
Nhà cửa vật kiến trúc	76.050.273.045	21.468.179.345	54.582.093.700
Máy móc, thiết bị	232.582.361.322	92.709.212.051	139.873.149.271
Phương tiện vận tải	4.761.656.689	4.039.824.428	721.832.261
Thiết bị DC quản lý	220.922.364	220.922.364	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-

(Nguồn: BCTC quý 1/2017 của Công ty)

- **Bất động sản đầu tư tại 31/12/2016, 31/3/2017:**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Bất động sản đầu tư chờ tăng giá (*)	2.476.783.983	-	2.476.783.983
Tổng cộng	2.476.783.983	-	2.476.783.983

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

(*) Là giá trị nhà và đất được Công ty mua theo Hợp đồng chuyển dịch nhà ở ngày 18 tháng 11 năm 2002. Lô đất này được Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 999840 cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014

tại địa chỉ số 202 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng với diện tích thửa đất là 497,6m².

Tính đến thời điểm hiện tại, bất động sản đầu tư này đã được Công ty chuyển nhượng với giá trị thu về là 3.500.000.000 đồng.

- Tài sản dở dang dài hạn tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 31/03/2017:

Đơn vị tính: VND

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
Dây chuyền Sơn tĩnh điện	-	11.828.096.404	11.828.096.404
Dây chuyền lò đúc Nhôm	16.171.478.131	-	-
Nhà xưởng cán ép 1850	9.328.083.789	-	-
Máy dán Logo	-	-	41.908.000
Máy tạo Ni tơ	-	-	450.747.527
Tổng cộng	25.876.042.734	11.828.096.404	12.334.487.331

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 của Công ty)

Tính đến thời điểm hiện tại thì Dây chuyền Sơn tĩnh điện và các máy móc thiết bị nêu trên đã được lắp đặt hoàn thiện đi vào hoạt động và được hạch toán tăng tài sản cố định tại BCTC quý 2/2017.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2017 – 2018:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017	% tăng giảm so với năm 2016	Năm 2018 (*)	% tăng giảm so với năm 2017

Vốn điều lệ (đồng)	206.934.370.000	-	-	-
Doanh thu thuần (đồng)	1.400.000.000.000	16,22	-	-
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	25.000.000.000	119,04	-	-
Lợi nhuận sau thuế/DTT (%)	1,79%	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	12,08%	-	-	-
Cổ tức (%)	9%	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty)

(*) Công ty chưa có kế hoạch kinh doanh cho năm 2018

✓ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức nói trên:**

Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới sẽ tiếp tục tập trung mạnh vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh Nhôm định hình.

Kế hoạch doanh thu 2017 tăng 16,22% so với doanh thu thực hiện 2016 là do nhu cầu của khách hàng đặt hàng sản phẩm của Công ty ngày càng tăng. Việc đặt kế hoạch Lợi nhuận sau thuế năm 2017 có mức tăng trưởng tốt (*kế hoạch doanh thu thuần năm 2017 chỉ tăng 16,22% so với năm 2016, trong khi lợi nhuận sau thuế tăng 119,04% so với năm 2016*) là do giá sản phẩm. Giá bình quân các sản phẩm Nhôm thanh định hình của Công ty năm 2017 hiện đang có mức tăng 1,3% so với năm 2016 (*mức giá bình quân Nhôm thanh định hình năm 2016 là 77.000 đồng/kg, mức giá bình quân hiện tại năm 2017 là 78.000 đồng/kg*). Bên cạnh đó, tính đến nay với Tổng các hợp đồng Công ty đã ký kết và thực hiện trong năm 2017 (*trình bày tại Mục 5.10*) có khối lượng là 13.000/15.450 tấn sản phẩm (*tương ứng 13.000.000 kg*) thì mức giá bán hiện nay tăng 1.000 đồng/kg (*tương ứng tăng 1,3%*) so với năm 2016 thì lợi nhuận của Công ty sẽ tăng mức tương ứng là trên 13 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục có các Hợp đồng được ký trong thời gian tới. Hơn nữa, với nhu cầu của thị trường về sản phẩm Nhôm định hình nói chung nhất là đối với lĩnh vực Công nghiệp và Xây dựng ngày càng lớn khi mà sản phẩm Nhôm định hình có độ bền cao, nhẹ và tính thẩm mỹ ngày càng lớn thì mức giá sản phẩm Nhôm thanh định hình trên thị trường dự báo còn tăng và các đơn đặt hàng của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty trong năm

2017 sẽ còn gia tăng nhiều hơn nữa. Do đó, việc đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm 2017 nói trên là hoàn toàn khả thi và Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo sẽ hoàn thành được các chỉ tiêu như ĐHĐCĐ đã giao phó.

Theo BCTC quý I năm 2017, Doanh thu thuần đạt 221,7 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế đạt 4,88 tỷ đồng tương ứng đạt tỷ lệ 15,8% và 19,5% so với kế hoạch Công ty đặt ra cho năm 2017. Kết quả này phản ánh đúng tình hình thực tế trong Quý I/2017 hàng năm của Công ty do hoạt động sản xuất kinh doanh ảnh hưởng nhiều từ lịch nghỉ lễ tết cổ truyền kéo dài. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ phát triển mạnh mẽ bắt đầu từ quý 2. Theo sổ sách kế toán của Công ty, dự kiến doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty 6 tháng đầu năm 2017 lần lượt là 630 tỷ đồng và 11 tỷ đồng, tương ứng đạt 45% kế hoạch doanh thu và 44% kế hoạch lợi nhuận năm 2017. Do vậy, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng về khả năng hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2017 mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã thông qua.

14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Nhôm sông hồng cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, Chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu sử dụng các sản phẩm của Công ty ngày càng cao. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường cũng như ảnh hưởng của nền kinh tế tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra cho năm 2017 là có cơ sở và khả thi. Công ty có cơ sở để đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo như kế hoạch cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn niềm yết, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế, của ngành Nhôm tại Việt Nam cũng như của Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn không đảm bảo giá trị của chứng khoán niềm yết cũng như sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá này chỉ có tính chất tham khảo với nhà đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

- Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

- Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán:** NSH
- Tổng số chứng khoán niêm yết:** 20.693.437 (hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm ba mươi bảy cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết:**

Theo quy định tại mục d khoản 1 điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ) Đối với cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc), Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng; cổ đông lớn là người có liên quan đến thành viên trên: cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo. Chi tiết số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng được trình bày tại Bảng 1.

Trong năm 2016, Công ty có thực hiện đợt phát hành tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu hoán đổi công nợ cho các chủ nợ của Công ty. Theo quy định tại phương án phát hành thì cổ phiếu hoán đổi công nợ này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ thời điểm phát hành. Chi tiết số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 1:

STT	Họ và tên	Chức danh	SL CK sở hữu	SL CK Hạn chế CN 06	SL CK Hạn chế CN 06 tháng tiếp
-----	-----------	-----------	--------------	---------------------	--------------------------------

				tháng đầu	theo
1	Nguyễn Minh Kế	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4.697.290	4.697.290	2.348.645
2	Đào Vĩnh Long	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	921.930	921.930	460.965
3	Phạm Anh Tài	Thành viên HĐQT	965.137	965.137	482.569
4	Đỗ Thị Thanh Tùng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	831.634	831.634	415.817
5	Lê Văn Thắng	Thành viên HĐQT	614.152	614.152	307.076
6	Nguyễn Văn Khiêm	Trưởng Ban kiểm soát	21.462	21.462	10.731
7	Lê Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	155.818	155.818	77.909
8	Lưu Đức Giang	Thành viên Ban kiểm soát	315.178	315.178	157.589
9	Phan Tiến Hòa	Phó Tổng Giám đốc	334.540	334.540	167.270
TỔNG CỘNG			8.857.141	8.857.141	4.428.571

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

Bảng 2

STT	Họ và Tên	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế đến
1	Tạ Thị Lan	584.803	23/11/2017
2	Nguyễn Văn Thu	666.666	23/11/2017

3	Nguyễn Đức Tuyên	563.725	23/11/2017
4	Nguyễn Thị Hạnh	772.058	23/11/2017
5	Phạm Anh Tài	843.137	23/11/2017
6	Trần Quân	411.764	23/11/2017
7	Nguyễn Văn Dũng	481.372	23/11/2017
8	Nguyễn Thị Tuyết	578.431	23/11/2017
Tổng cộng		4.901.956	

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)

6. Phương pháp tính giá

❖ Giá trị sổ sách:

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
Vốn chủ sở hữu (đồng)	94.586.843.189	232.915.240.333	237.801.666.686
Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	8.000.000	20.693.437	20.693.437
Giá trị sổ sách/cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	11.823	11.255	11.492

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và Quý I/2017 của công ty)

❖ Phương pháp tính giá tham chiếu dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên:

Giá tham chiếu được xác định dựa trên các phương pháp sau đây:

- Phương pháp Hệ số giá/giá trị sổ sách (P/B)
- Phương pháp định giá theo hệ số Giá/thu nhập (P/E)

✚ Phương pháp Hệ số giá/giá trị sổ sách (P/B):

Theo phương pháp này giá trị cổ phiếu của Công ty được tính theo Công thức sau:

$$P = B * P/B \text{ bình quân ngành}$$

Trong đó:

- P: Giá 01 cổ phiếu theo Phương pháp P/B
- P/B bình quân ngành: là chỉ số giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành Xây dựng đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi đã loại trừ một số Doanh nghiệp có số liệu lớn bất thường và không đầy đủ thông tin để tính P/B)

🚩 Phương pháp định giá theo hệ số Giá/thu nhập (P/E):

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân ngành}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu
- P/E: là chỉ số giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành Xây dựng đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi đã loại trừ một số Doanh nghiệp có số liệu lớn bất thường và không đầy đủ thông tin để tính P/E)

❖ Mức giá tham chiếu:

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Nhôm sông hồng sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thị trường tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của Luật Chứng khoán và một số điều sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 22/05/2017 để thực hiện lưu ký cổ phiếu, số lượng nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ cổ phần của Công ty là 0 Nhà đầu tư và nắm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan:

✚ Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2016, Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% lợi nhuận chịu thuế theo quy định tại thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 18/06/2014.

✚ Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất giá trị gia tăng là 10%.

✚ Các loại thuế khác:

Các loại thuế khác như: thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, v.v... Công ty thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Trụ sở chính : Số 2 Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84 4) 3 933 4666

Fax : (84 4) 3 933 4668

Website : www.apsc.vn

2. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Địa chỉ : Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây – Tòa Nhà Hancorp Plaza –
Số 72 Trần Đăng Ninh – Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại : (84 4) 37425 888

Fax : (84 4) 37578 666

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty;
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và Báo cáo tài chính Quý I/2017.

Phú Thọ, ngày 27. tháng 06. năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM SÔNG HỒNG

TRƯỞNG BAN KIỂM
SOÁT



NGUYỄN VĂN KHIÊM

CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH KẾ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THANH TÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC HÙNG